



VIỆN NGHIÊN CỨU XÃ HỘI, KINH TẾ VÀ MÔI TRƯỜNG

CÂY CACAO Ở ĐẮK LẮK

*Những rào cản chính đối với sự phát triển
trong các tộc người thiểu số tại chỗ*

(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP NGƯỜI M'NÔNG TẠI HUYỆN LẮK)



HÀ NỘI, tháng 1 năm 2012

Tập thể tác giả:

**ThS. Lê Quang Bình
TS. Hoàng Cẩm
TS. Đào Thế Đức
KS. Niê Y Hoàng
TS. Phạm Quỳnh Phương
TS. Lê Kim Sa
TS. Mai Thanh Sơn
ThS. Nguyễn Quang Thương**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời nói đầu</i>	3
A. GIỚI THIỆU CHUNG	4
1. Bối cảnh nghiên cứu	4
2. Câu hỏi và nhiệm vụ nghiên cứu	6
3. Khung phân tích	6
4. Phương pháp và tiến trình nghiên cứu	7
5. Hạn chế của nghiên cứu	8
B. NHỮNG PHÁT HIỆN CHÍNH	8
I. TỔNG QUAN VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU	8
1.1. Địa bàn và tộc người tại chỗ	8
1.1.1. <i>Huyện Lắk và các điểm nghiên cứu</i>	10
1.1.2. <i>Mấy nét khái quát về tộc người M'Nông</i>	12
1.2. Sự du nhập của cây cacao và chủ trương phát triển cacao của tỉnh Đắk Lắk	14
II. NHỮNG RÀO CẢN ĐỐI VỚI SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI M'NÔNG VÀO PHÁT TRIỂN CÂY CACAO	18
1. Lợi ích kinh tế không vượt trội	18
2. “Cacao kén người trồng” - Kỹ thuật chăm sóc và chế biến khó và rủi ro cao	20
3. Thiếu sự tương thích với văn hóa tộc người	23
3.1. <i>Hệ thống canh tác cacao thiếu sự tương thích với các tập quán sản xuất truyền thống</i>	23
3.2. <i>Thu nhập “lai rai” từ canh tác cacao thiếu sự tương thích với văn hóa tiêu dùng của người dân M'Nông</i>	24
3.3. <i>Với diện tích canh tác hạn chế, người dân ưu tiên trồng các loại cây có thể đảm bảo an ninh lương thực</i>	24
4. Thiếu niềm tin bởi lợi ích chưa được kiểm chứng	25
4.1. <i>Quá khứ thất bại và “pháp phòng” về tương lai</i>	25
4.2. <i>Thiếu thông tin và nhiều loạn thông tin</i>	26
4.3. <i>Thị trường thiếu ổn định</i>	
4.3.1 <i>Thị trường cây giống</i>	
4.3.2 <i>Thị trường sản phẩm</i>	
III. VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN	29
1. Nhà nước và các chính sách phát triển cacao	29
2. Vai trò của các tổ chức tư nhân	31
3. Sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ và nhà tài trợ quốc tế	32
4. Vai trò của các cơ quan khoa học	33
IV. KẾT LUẬN	34
V. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ	35
Danh mục tài liệu tham khảo chính	39

Hộp 1 : Vài nét khái quát về tỉnh Đắk Lắk

Hộp 2 : Khái quát về tộc người M' nong

Bảng 1: So sánh giá trị kinh tế giữa hai cây café và cacao

Bảng 2: Chỉ số phân loại của hạt cacao

Danh mục các cụm từ viết tắt

AusAID	Cơ quan Phát triển quốc tế Australia
BCHTW	Ban Chấp hành Trung ương
BVTV	Bảo vệ thực vật
CP	Chính phủ
CSHT	Cơ sở hạ tầng
CTMTQG	Chương trình Mục tiêu quốc gia
DANIDA	Cơ quan Phát triển quốc tế Đan Mạch
DFID	Cơ quan phát triển quốc tế Anh
DTTS	Dân tộc thiểu số
ĐBKK	Đặc biệt khó khăn
GDP	Tổng thu nhập kinh tế quốc nội
GTZ	Cơ quan Phát triển quốc tế Cộng hòa liên bang Đức
HĐND	Hội đồng nhân dân
IK	Tri thức bản địa/Kiến thức bản địa
IMH	Viện Khí tượng-Thủy văn
IUCN	Tổ chức Bảo tồn thế giới
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
LHQ	Liên hợp quốc
NGOs	Các Tổ chức phi chính phủ
NLU	Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
NTM	Nông thôn mới
Nxb	Nhà xuất bản
SA	Dự án chuyển giao kỹ thuật trồng Cacao do Success Alliance thực hiện
TN&MT	Tài nguyên và Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
UNDP	Chương trình phát triển LHQ
VASS	Viện Khoa học xã hội Việt Nam
WASI	Viện Khoa học kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên

Lời nói đầu

Nghiên cứu này do Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE) tổ chức thực hiện. Báo cáo tổng hợp của nghiên cứu được viết bởi nhóm tư vấn độc lập đến từ Viện Nghiên cứu Văn hóa (TS. Hoàng Cẩm, TS. Phạm Quỳnh Phương), Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (TS. Đào Thế Đức), Trung tâm Phân tích - Dự báo, Viện KHXH (TS. Lê Kim Sa), Viện Phát triển bền vững vùng Trung bộ (TS. Mai Thanh Sơn), Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (ThS Lê Quang Bình, ThS. Nguyễn Quang Thương) và Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Lăk (KS. Niê Y Hoàng). Các kết quả được đưa ra trong báo cáo chủ yếu dựa trên những thông tin do nhóm tư vấn thu thập được tại huyện Lăk và việc phân tích các nguồn tài liệu thành văn.

Trong quá trình nghiên cứu, nhóm tư vấn đã nhận được sự hợp tác/giúp đỡ của UBND Tỉnh Đắk Lắk, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ban Dân tộc, Trung tâm Khuyến nông; chính quyền huyện Lăk; chính quyền và nhân dân các xã Yang Tao và Đắk Phoi; và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh. Sau khi tham vấn các bên liên quan ở cơ sở, nhóm tư vấn đã chia sẻ những phát hiện chính với các cán bộ Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Lăk, các cán bộ Phòng Trồng trọt (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) và nhận được nhiều ý kiến đóng góp quý báu. Nhóm tư vấn xin tri ân sự hợp tác/giúp đỡ hiệu quả đó.

Mặc dù đã rất cố gắng để hoàn thành mục tiêu nghiên cứu đặt ra, song báo cáo không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nhất định. Tập thể tác giả mong nhận được sự đóng góp chân thành của các tổ chức hữu quan và Quý vị.

Xin trân trọng cảm ơn.

Tập thể tác giả

A. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Bối cảnh nghiên cứu

Tại Việt Nam, cacao không hẳn là loại cây trồng hoàn toàn mới, nhưng cũng chưa bao giờ có vị trí trọng yếu trong cơ cấu nông nghiệp hàng hóa. Những năm gần đây, cây cacao đã được trồng nhiều hơn và bắt đầu gia nhập thị trường thế giới. Từ năm 2005, Bộ NN&PTNT đã thành lập Ban điều phối Cacao Việt Nam (VCCC) nhằm hỗ trợ việc xây dựng các chính sách liên quan tới ngành sản xuất cacao. Hệ thống tiêu chuẩn cho cây cacao và sản phẩm cacao cũng đã được xây dựng trong năm 2006. Để thúc đẩy ngành sản xuất cacao phát triển, ngày 14/9/2007, Bộ NN&PTNT đã ban hành Quyết định 2678/2007/QĐ-BNN-KH, đề ra mục tiêu đến năm 2015 phải đạt 60,000ha cacao và đến năm 2020 diện tích cacao ở Việt Nam sẽ đạt 80,000ha.

Trên phương diện thực tiễn, cây cacao được đánh giá là phát triển tương đối tốt ở các tỉnh miền Đông và nhất là ở miền Tây Nam bộ. Tuy nhiên, tại các tỉnh Tây Nguyên, tình hình không khá quan như dự tính ban đầu. Đắk Lắk là một ví dụ cụ thể. Ngày 2/4/2002, UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quyết định số 821/QĐ-UB về việc phê duyệt dự án quy hoạch vùng phát triển cây cacao trên địa bàn tỉnh đến năm 2010 là 10,000ha (sau này, khi tách tỉnh, diện tích cacao được quy hoạch nằm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là 6,000ha). Ban đầu, các huyện được quy hoạch phát triển cacao ở tỉnh Đắk Lắk là Ea Kar, Ma Đrăk, Krông Bông và Lắk. Ngày 6/12/2006, UBND Tỉnh có công văn số 3706/UBND-NL bổ sung thêm 2 huyện Krông Năng và Ea H'leo vào vùng quy hoạch cây cacao. Đây là những địa phương được đánh giá là không có điều kiện sinh thái phù hợp với cây cà phê, cao su và điều. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, lại được sự hỗ trợ của nhiều tổ chức quốc tế cũng như các cơ sở khoa học trong nước, nhưng đến năm 2010, diện tích cacao toàn tỉnh chỉ đạt 1,935ha, xấp xỉ 1/3 kế hoạch đề ra trong Quyết định số 821/QĐ-UB.

Trên phương diện lý thuyết, để chuẩn bị cho việc phát triển cây cacao, ở Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu dưới những góc độ khác nhau. Những năm 1990, các nhóm cán bộ Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Cần Thơ đã tiến hành nhiều đợt đánh giá về triển vọng phát triển cây cacao tại các tỉnh miền Tây Nam bộ và Tây Nguyên. Sau khi thực hiện các mô hình thí điểm ở các tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông, nhóm cán bộ khoa học thuộc Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh đã có báo cáo khuyến nghị giải pháp mở rộng diện tích cacao ở các địa phương này.

Các tài liệu về cây cacao được biết đến nhiều nhất chủ yếu là kết quả nghiên cứu trong giai đoạn sau 2005, khi Ban điều phối Cacao Việt Nam (VCCC) được thành lập. Một số tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng và chế biến cacao đã được phổ biến hoặc xuất bản: Lương Duyên Bình (2008) “*Bài giảng tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cacao*”, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Đắk Lắk phát hành và sử dụng; Phạm Hồng Đức Phước (2009) “*Kỹ thuật trồng cacao ở Việt Nam*”, Nxb Nông nghiệp; Trịnh Xuân Ngọ (2009) “*Cây cacao và kỹ thuật chế biến*”, Nxb thành phố Hồ Chí Minh. Trong khuôn khổ “Chương trình Hợp tác Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” (giữa Bộ NN&PTNT và AusAID), từ năm 2006 đến 2008, Đại học Cần Thơ đã chủ trì thực hiện dự án “*Lên men, sấy và đánh giá chất lượng cacao ở Việt Nam*”. Phối hợp thực hiện dự án này còn có Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh (NLU) và Viện Khoa học kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên (WASI). Đối tượng mà dự án hướng đến là các nông hộ trồng cacao tại các tỉnh Cần Thơ, Bến Tre, Đắk Nông và Đắk Lắk. Trong nhiều hoạt động mà dự án tiến hành, có những nội dung tập trung vào phân tích các lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường của cây cacao.

Tiếp cận dưới góc độ thị trường, tháng 3 năm 2008 Helvetas đã công bố “*Nghiên cứu khả thi Cacao hữu cơ và Thương mại công bằng tại Việt Nam*” (Feasibility Study Organic and Fairtrade Cocoa in Vietnam). Nghiên cứu này tập trung sự chú ý vào 2 khu vực được coi là

phù hợp nhất cho việc phát triển cacao: Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả nghiên cứu đã đưa ra một cái nhìn tổng quan về sản xuất cacao hữu cơ, công bằng thương mại và hệ thống tiếp thị. Nghiên cứu cũng giới thiệu hệ thống tiêu chuẩn, thủ tục cấp giấy chứng nhận (tiêu chuẩn), các chi phí cho chứng nhận, những kinh nghiệm trong sản xuất cacao hữu cơ và công bằng thương mại tại Việt Nam. Nghiên cứu khẳng định, tại Việt Nam, cacao đã được giới thiệu từ nhiều năm trước, có một số khu vực có thể trồng thành công cây cacao nhưng kinh nghiệm sản xuất và tiếp thị cacao vẫn còn trong giai đoạn thử nghiệm. Đối với mỗi địa phương thuộc hai khu vực này, nghiên cứu cũng trình bày bối cảnh, tình trạng phát triển cacao hiện nay, nhận thức về môi trường, đánh giá công bằng thương mại và phân tích các bên liên quan của chuỗi giá trị cacao.

Trong số các nghiên cứu về cây cacao, đáng chú ý nhất phải kể đến công trình do Agrifood Consulting International tổ chức thực hiện ở tất cả các địa phương có trồng cacao và công bố kết quả vào tháng 11 năm 2008. Đúng như tên gọi: “*Nghiên cứu tính phù hợp, khả thi và lợi ích kinh tế xã hội trong việc sản xuất cacao tại Việt Nam*”, báo cáo này đã phân tích một cách khá toàn diện những vấn đề liên quan đến cây cacao. Dựa trên chuỗi giá trị ngành hàng cacao, nghiên cứu đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội cũng như những thách thức/rủi ro của tất cả các tác nhân tham gia. Các yếu tố được tham chiếu chính trong nghiên cứu này là điều kiện tự nhiên (thổ nhưỡng, khí hậu, nguồn nước...); nguồn nhân lực (khả năng đáp ứng của lực lượng lao động và các kỹ năng cần thiết); nguồn lực tài chính (nhu cầu vốn); yếu tố thị trường quốc tế; các cây trồng cạnh tranh; tính đa dạng sinh học và bền vững của môi trường; và các chính sách kinh tế - xã hội của nhà nước Trung ương cũng như địa phương. Từ các phân tích của mình, nhóm tác giả báo cáo đã khẳng định tính phù hợp, khả thi và lợi ích kinh tế xã hội mà cây cacao có thể mang lại cho Việt Nam; đồng thời, cũng chỉ ra những yếu tố có thể làm suy giảm tính lạc quan.

Năm 2010, nhóm tác giả do iSEE tổ chức đã thực hiện một nghiên cứu nhằm đánh giá về cơ hội và thách thức trong việc hợp tác cũng như khả năng tham gia Ban Điều phối Cacao Việt Nam (VCCC) của Oxfam Novib và iSEE. Trong báo cáo với nhan đề “*Assessment of opportunity and challenge to join Vietnam Cacao Committee and Public Private Partnership for Oxfam Novib and iSEE*”, các tác giả cũng phân tích một số vấn đề liên quan đến quy hoạch, chiến lược cũng như thực tiễn tình hình phát triển ngành sản xuất cacao tại Việt Nam.

Đóng góp quan trọng của các nhà khoa học đi trước là không thể phủ nhận. Kết quả nghiên cứu của họ đã được sử dụng làm cơ sở khoa học cho việc hoạch định chiến lược phát triển ngành sản xuất cacao trong giai đoạn tới. Tuy nhiên, mỗi địa phương/vùng miền đều có những đặc điểm riêng, đòi hỏi phải có những nghiên cứu chuyên sâu không chỉ về điều kiện tự nhiên hay các bối cảnh xã hội nói chung mà còn cần hướng đến các bối cảnh văn hoá xã hội của các tộc người cụ thể. Tại khu vực Tây Nguyên, việc tìm hiểu khả năng tham gia chuỗi giá trị cacao của các tộc người thiểu số tại chỗ cho đến nay vẫn còn là mảng trống. Đó cũng là lý do chính để nghiên cứu này được triển khai thực hiện.

2. Câu hỏi nghiên cứu

Đây là một nghiên cứu trường hợp tại cộng đồng người M'ông ở huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk. Đối với người M'ông nói riêng và các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên nói chung, việc phát triển cây cacao đang đứng trước nhiều thách thức cần có lời giải đáp. Những khó khăn hay thuận lợi nào thúc đẩy người dân tộc thiểu số tại chỗ tham gia và hưởng lợi từ sản xuất cacao? Cơ hội hưởng lợi của người dân các tộc người thiểu số tại chỗ ra sao? Vai trò của các bên liên quan đến đâu?...vv. Nói cách khác, báo cáo này sẽ trả lời hai câu hỏi nghiên cứu chính: i) Người M'ông hiện đang gặp những trở ngại gì/rào cản nào trong việc tham gia sản xuất và hưởng lợi ngành hàng cacao? ii) Vai trò của các bên trong việc tạo ra hoặc phá bỏ các rào cản đó?

Báo cáo chia làm bốn phần chính: phần đầu là những nét tổng quan về địa bàn nghiên cứu và tộc người M'ông; phần hai trình bày những rào cản đối với sự tham gia của người M'ông ở huyện Lắc vào việc phát triển cây cacao ở địa phương; phần ba phân tích vai trò của các bên liên quan trong nỗ lực phát triển cây cacao ở cộng đồng người M'ông; cuối cùng, nghiên cứu sẽ đưa ra các khuyến nghị đối với việc phát triển cây cacao trong cộng đồng người M'ông ở huyện Lắc.

3. Khung phân tích

Từ góc độ lý thuyết, theo một số nhà nhân học văn hoá, việc tiếp nhận các thực hành và thành tố văn hoá (cây trồng, ý tưởng, tri thức, vật dụng, mẫu hành vi, v.v...) từ một nền văn hoá khác là một hiện tượng phổ biến trong hầu hết các xã hội của loài người từ trước đến nay. Linton (1936) cho rằng 90% thực hành văn hoá của các truyền thống văn hoá đều có nguồn gốc từ bên ngoài. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng bản chất của quá trình 'cho - nhận' văn hoá mang tính lựa chọn cao, tức là không phải thực hành hay thành tố văn hoá mới nào cũng được chủ nhân của các nền văn hoá khác tiếp nhận một cách nhanh chóng và dễ dàng. Ngô Đức Thịnh (1995) chỉ ra rằng, quá trình tiếp biến văn hóa ở các tộc người là sự tiếp xúc, chọn lọc, tái tạo và bản địa hóa/bản tộc hóa các tri thức được đưa đến từ bên ngoài.

Theo Rogers trong tác phẩm *Sự khuếch tán của đổi mới (Diffusion of Innovations)* (1962), có bốn yếu tố tác động đến sự lan truyền của một ý tưởng hay thực hành mới: sự đổi mới, kênh thông tin/giao tiếp, thời gian, và hệ thống xã hội. Nói cách khác, một sự đổi mới hay thực hành mới được truyền bá/giao tiếp thông qua những kênh nhất định và trong khoảng thời gian nhất định để tác động đến các thành viên của một hệ thống xã hội. Quá trình để một cá nhân chấp nhận một sự đổi mới thường thông qua 5 giai đoạn: có kiến thức (*knowledge*), bị thuyết phục (*persuasion*), ra quyết định (*decision*), thực hành (*implementation*), và khẳng định (*confirmation*). Theo Roger (1962), một hay các thực hành và thành tố văn hoá mới chỉ thuyết phục được và có ảnh hưởng đến việc ra quyết định của một cá nhân trong việc chấp nhận hay từ chối thực hành đó khi được hội tụ 5 điều kiện: 1) được người dân coi là có giá trị vượt trội hơn so với những thực hành đã và đang tồn tại; 2) có sự tương thích với hệ thống văn hoá bản địa; 3) đủ đơn giản để hiểu và thực hành; 4) có khả năng kiểm chứng được thông qua thực hành; và 5) có lợi ích rõ ràng.

Các nghiên cứu trước đây về cacao chủ yếu tập trung phân tích chuỗi giá trị ngành hàng cacao: dịch vụ cung ứng đầu vào (đất đai, lao động, vườn ươm và cây giống, các dòng tiền đầu tư, phân bón, thuốc trừ sâu hại dịch bệnh, sự hỗ trợ kỹ thuật của các nhà khoa học trong nước và ủng hộ tài chính của các tổ chức quốc tế); sản xuất cacao (trồng, chăm sóc và thu hái); dịch vụ đầu ra (thu mua trái tươi, lên men, phơi, sấy) và thị trường tiêu thụ. Cách tiếp cận này giúp hình dung rõ ràng các mắt xích trong chuỗi sản phẩm, cũng như sự tham gia của người dân trong các mắt xích đó. Tuy nhiên, việc tiếp cận theo chuỗi giá trị có thể bỏ qua yếu tố văn hóa bản địa và những rào cản về văn hóa đối với sự chấp nhận cây cacao trong đời sống của tộc người thiểu số. Là một cây trồng ngoại lai được du nhập từ bên ngoài, cây cacao có chỗ đứng trong đời sống của người dân tộc thiểu số hay không, không chỉ phụ thuộc vào các yếu tố môi trường và kinh tế, mà còn phụ thuộc rất lớn vào bối cảnh văn hóa.

Để có cái nhìn đa chiều hơn về việc phát triển cây cacao ở huyện Lắc cũng như những rào cản trong việc người M'ông tham gia tích cực vào ngành hàng này, chúng tôi sử dụng các tiêu chí của Roger để soi chiếu xem đối với người M'ông, cây cacao có lợi thế so sánh so với các cây trồng khác và tương thích với thực hành văn hóa của họ không, cũng như tìm hiểu xem liệu kỹ thuật trồng cây cacao có đơn giản và đem lại lợi ích rõ ràng cho họ. Trong quá trình điền dã tại địa bàn và nghiên cứu tài liệu lưu trữ tại địa phương, quan điểm lý thuyết này cũng được sử dụng để tìm hiểu sự tiếp nhận các giống cây trồng ngoại lai khác như cà phê, điều, cao su, v.v... để đối chiếu so sánh.

4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện theo phương pháp định tính, chủ yếu sử dụng các phương pháp nghiên cứu nhân học (quan sát tham gia, thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu), có sự kết hợp với việc tham khảo tài liệu thành văn (lưu trữ ở trung ương và địa phương). Trong quá trình viết báo cáo, nguồn tài liệu nghiên cứu thực địa được coi là chất liệu ưu tiên.

Các nguồn tài liệu thành văn được nhóm nghiên cứu tham khảo gồm có: i) Các báo cáo công tác thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội - đảm bảo an ninh quốc phòng của các cấp chính quyền địa phương từ tỉnh, huyện và xã; ii) Báo cáo *Tình hình thực hiện đề án 6,000ha Cacao năm 2011* và văn kiện *Đề án Phát triển cây Cacao tỉnh Đắk Lắk đến năm 2015* của Sở NN&PTNT tỉnh Đắk Lắk; iii) Báo cáo Tổng kết thực hiện dự án “*Phát triển sản xuất Cacao bền vững tại các nông hộ*” của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Đắk Lắk; iv) Những nghiên cứu về cây cacao ở Việt Nam đã được thực hiện bởi các tổ chức trong và ngoài nước; và v) Các bài báo phản ánh những vấn đề xung quanh cây cacao tại tỉnh Đắk Lắk và các địa phương khác.

Nguồn tư liệu thực địa được thu thập thông qua phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm trong chuyến nghiên cứu tại địa bàn vào tháng 11/2011. Có hai nhóm đối tượng chính được lựa chọn để phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm.

- Nhóm đối tượng thứ nhất là cán bộ của các cơ quan ban ngành và các tổ chức, doanh nghiệp (từ cấp tỉnh đến cấp xã) tham gia trực tiếp vào việc triển khai các hoạt động giới thiệu và phát triển cây cacao ở địa bàn như Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban dân tộc, Hội Phụ nữ, UBND (tỉnh, huyện, xã), công ty Cargill, Cao Nguyên Xanh, Adivoca, v.v...
- Nhóm đối tượng thứ hai được lựa chọn phỏng vấn là người dân ở hai xã Yang Tao và Đắk Phơi. Trong nhóm đối tượng này, nhóm nghiên cứu đã thực hiện các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm (2 cuộc thảo luận ở xã Đắk Phơi và 2 cuộc ở Yang Tao) với chủ nhiệm và các thành viên của các câu lạc bộ cacao (được thành lập từ năm 2007) cũng như một số người dân đã từng tham gia nay đã bỏ hoặc chưa tham gia trồng cây cacao. Nội dung của các cuộc phỏng vấn và thảo luận tập trung xoay quanh các vấn đề như tập quán sinh kế và sinh hoạt văn hoá truyền thống của tộc người, trải nghiệm cá nhân và cộng đồng trong việc tiếp nhận và phát triển các loại cây công nghiệp phi bản địa như cà phê, điều và cacao, đặc biệt là các trải nghiệm về kỹ thuật, hiệu quả kinh tế, thị trường (đầu ra và đầu vào), tri thức địa phương về điều kiện tự nhiên và cây trồng ở địa bàn, v.v...

Các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm chủ yếu được tiến hành bằng tiếng Kinh với sự trợ giúp của các phiên dịch là người địa phương. Riêng hai cuộc thảo luận nhóm với chủ nhiệm và các thành viên của các câu lạc bộ cacao ở xã Yang Tao được thực hiện bằng tiếng M'ông do một số thành viên của câu lạc bộ không nói được tiếng phổ thông. Sau đó, các phát hiện chính từ hai cuộc thảo luận nhóm này được các nhóm trưởng trình bày lại cho đoàn nghiên cứu bằng tiếng Kinh. Do đạo đức nghiên cứu, trong báo cáo này chúng tôi không đưa tên tuổi cụ thể những người trả lời phỏng vấn.

5. Hạn chế của nghiên cứu

Theo quy hoạch, tỉnh Đắk Lắk có 6 huyện được đưa vào vùng phát triển cây cacao là Ea Kar, Ma Đ'răk, Krông Bông, Krông Năng, Ea H'leo và huyện Lắk. Cả sáu huyện được lựa chọn đều có nhiều tộc người thiểu số tại chỗ như Ê-đê, M'ông, Gia-rai, Xơ-đăng, Lào....¹ Tuy

¹ Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 1/4/2009, các tộc người thiểu số tại chỗ có số dân đông hơn cả là Ê-đê (298,534 nhân khẩu, chiếm 17.2% dân số toàn tỉnh); M'ông (40,344 nhân khẩu, chiếm 2.3% dân số toàn

nhiên, do thời gian có hạn, nghiên cứu này mới chỉ được thực hiện ở khu vực đồng bào M'ông đang sinh sống ở các xã Yang Tao và Đăk Phoi thuộc huyện Lăk. Vì vậy, kết quả của nghiên cứu này có thể không phản ánh đầy đủ bức tranh về hiện trạng phát triển cây cacao ở tỉnh Đăk Lăk nói riêng và ở Việt Nam nói chung.

Để có cái nhìn chân thực, khách quan hơn về những thách thức và triển vọng phát triển cây cacao trong vùng đồng bào tộc người thiểu số tại chỗ ở Đăk Lăk nói riêng, Tây Nguyên nói chung, những hạn chế trên đây cần sớm được khắc phục. Trong tương lai, việc nghiên cứu ở tất cả các tộc người trong vùng quy hoạch cacao là cần thiết.

B. NHỮNG PHÁT HIỆN CHÍNH

I. TỔNG QUAN VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1. Địa bàn và tộc người tại chỗ

1.1.1 Huyện Lăk và các xã nghiên cứu

Huyện Lăk nằm ở phía đông nam của tỉnh Đăk Lăk, có diện tích tự nhiên 1.249,65km². Đây là khu vực có địa hình đồng bằng trũng với độ cao 400-500m, dễ bị lũ lụt vào tháng 9, tháng 10 hàng năm. Tính đến tháng 12 năm 2010, dân số trung bình huyện Lăk là 60.997 nhân khẩu; trong đó 22.593 người Kinh, 30.478 người M'ông, số còn lại là người của các tộc Ê-đê, Tày, Thái...² Huyện Lăk có 11 đơn vị trực thuộc, gồm 1 thị trấn huyện lỵ (thị trấn Liên Sơn) và 10 xã (Bông Krang, Buôn Trĩa, Buôn Triết, Đăk Liêng, Đăk Phoi, Đăk Nuê, Ea R'Bin, Krông Nô, Nam Ka và Yang Tao).

Hộp 1: Khái quát vài nét về tỉnh Đăk Lăk

Đăk Lăk là một trong 5 tỉnh Tây Nguyên, có 15 đơn vị hành chính, bao gồm thành phố Buôn Ma Thuột (trung tâm tỉnh lỵ), thị xã Buôn Hồ và 13 huyện là Ea H'leo, Ea Sup, Krông Năng, Krông Buk, Buôn Đôn, Cư M'Gar, Ea Kar, M'Đrăk, Krông Păk, Krông Bông, Krông Ana, Cư Kuin và Lăk. Đăk Lăk có 44 tộc người cùng chung sống, trong đó người Kinh chiếm khoảng 67%; các dân tộc thiểu số tại chỗ như Ê-đê, M'ông chiếm khoảng hơn 20%; các tộc người thiểu số nhập cư như Tày, Nùng, Thái, Mường, Hmông, Dao... chiếm hơn 15% dân số toàn tỉnh.³

Địa hình và khí hậu của tỉnh Đăk Lăk phù hợp với sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp đa dạng. Nhóm đất đỏ chiếm 24,81% diện tích tự nhiên của tỉnh, phần lớn nằm trên địa hình tương đối bằng phẳng rất phù hợp cho việc phát triển cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su v.v... Ngoài ra còn có nhiều loại đất khác như đất xám, đất nâu, đất nâu thẫm, thích nghi với các loại cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả và một số cây lâu năm khác... Theo báo cáo của tỉnh, năm 2010, tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp của toàn tỉnh là 531.087ha thì có đến 314.884ha cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm; trong đó đáng kể nhất là cây cà phê (190.765ha), tiếp đến là cây điều (33.406ha), cao su (30.289ha) và hồ tiêu (5.533ha). Diện tích đất nông nghiệp còn lại chủ yếu trồng lúa nước, cây hoa màu (ngô, sắn) và các loại cây công nghiệp ngắn ngày như mía, đậu, lạc.

Huyện Lăk về cơ bản là một huyện thuần nông với phần lớn diện tích tự nhiên là đất nông - lâm nghiệp. Thổ nhưỡng, khí hậu của huyện Lăk thích hợp cho việc trồng lúa nước, các loại hoa màu (ngô, sắn) và các loại cây công nghiệp ngắn ngày (mía, lạc, đậu đỗ). Vì vậy, nông

tỉnh) và Gia-rai (16,129 nhân khẩu, chiếm 0.93% dân số toàn tỉnh). (Tổng cục Thống kê 2010 “*Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009*”, Nxb Thống kê, Hà Nội)

² Phòng Thống kê huyện Lăk (2011) “*Niên giám thống kê 2010*”, tr.3.

³ UBND tỉnh Đăk Lăk - Sở NN&PTNT (2011), *Báo cáo tóm tắt Quy hoạch cây công nghiệp và cây ăn quả chủ yếu trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk đến năm 2020*.

nghiệp huyện Lắc chủ yếu dựa vào hệ thống canh tác các loại cây lương thực có hạt,⁴ diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm (cà phê, tiêu, điều...) chỉ có 2.515ha.⁵ Diện tích rừng của huyện Lắc tương đối lớn, độ che phủ của toàn huyện đạt 61,77%. Tính đến cuối năm 2010, nông - lâm nghiệp chiếm 61,90% cơ cấu kinh tế; thu nhập bình quân đầu người theo giá hiện hành vào khoảng 9 triệu đồng. Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2006-2010, tỷ lệ hộ nghèo của huyện Lắc là 18,26%⁶, cao gấp hơn 2 lần so với tỷ lệ nghèo chung của tỉnh.⁷ Nếu tính theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015, tỷ lệ hộ nghèo của huyện Lắc không dưới 40%.

Trong cơ cấu cây công nghiệp, diện tích trồng cacao ở huyện Lắc chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ và trong *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2010 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011* của UBND huyện Lắc không có các số liệu về cây cacao. Theo số liệu của Phòng Thống kê huyện Lắc, đến cuối năm 2010, cả huyện chỉ có 61,3ha cacao⁸. Trong 9 tháng đầu năm 2011, diện tích trồng cacao của huyện đã đạt khoảng 205ha⁹.

Là một địa bàn được chọn trong nghiên cứu, xã Yang Tao nằm ở khu vực phía Bắc trung tâm huyện Lắc. Trong tổng diện tích 5.747ha đất nông nghiệp¹⁰, Yang Tao có 2.556ha đất lâm nghiệp, 807ha đất trồng lúa, 888ha đất trồng cây hàng năm và chỉ có 19ha đất trồng cây lâu năm. Trong cơ cấu cây trồng, lúa nước và các loại hoa màu (ngô, sắn) đóng vai trò chủ đạo, các loại cây công nghiệp dài ngày và cây lưu niên chỉ có diện tích rất hạn hẹp. Diện tích đất chưa sử dụng của xã còn hơn 724ha, trong đó có 700ha đất đồi núi, chỉ có hơn 24ha đất bằng. Tính đến tháng 6 năm 2011, xã Yang Tao có 1.707 hộ gia đình với 7.779 nhân khẩu, hơn 92,5% dân số của cả xã là người M'ông, số còn lại là người Kinh, người Ê-đê và một bộ phận nhỏ người Thái mới di cư đến.¹¹

Tuyệt đại đa số bà con nông dân Yang Tao vẫn dựa trên truyền thống đa canh/xen canh/rãi vụ/gối vụ, đa dạng hóa các sản phẩm trồng trọt nhằm giảm thiểu rủi ro và đảm bảo an ninh lương thực. Bên cạnh trồng trọt, chăn nuôi cũng có vị trí đáng kể.¹² Không thể phủ nhận là một số giống lúa lai, ngô lai đã được bà con nông dân tiếp nhận, nhưng những giống cây trồng địa phương cũng vẫn có vai trò rất quan trọng bởi tính chống chịu cao và phù hợp với khẩu vị quen thuộc của người dân. Yang Tao có tỷ lệ nghèo đói cao. Theo chuẩn nghèo mới (2011-2015), đến tháng 6 năm 2011, cả xã có 858/1.707 hộ nghèo, chiếm 50,26%.¹³

⁴ Toàn huyện có khoảng 7,618ha ruộng nước 2 vụ; 5,796ha đất trồng màu, các loại cây công nghiệp hàng năm và rau đậu.

⁵ Phòng Thống kê huyện Lắc (2011) "*Niên giám thống kê 2010*", tr.15.

⁶ UBND huyện Lắc (2010): *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2010 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011*.

⁷ Nếu tính theo chuẩn nghèo giai đoạn 2006-2010, năm 2010, toàn tỉnh có 28,992 hộ nghèo trên tổng số 389,322 hộ, chiếm 7,45%; nhưng nếu tính theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015, số hộ nghèo của toàn tỉnh là 81,053 hộ, chiếm 20,82%.⁷

⁸ Tổng UBND huyện Lắc (2010): *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2010 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011*.

⁹ Phòng NN&PTNT: "*Báo cáo tình hình công tác 9 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2011*".

¹⁰ Xã Yang Tao có tổng số diện tích tự nhiên 6,870ha.

¹¹ UBND xã Yang Tao (2011): *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2011*.

¹² Tính đến cuối năm 2010, tổng đàn trâu của Yang Tao có 102 con; đàn bò có 2,605 con; đàn dê có 108 con; đàn heo có 1,550 con; đàn gia súc gia cầm ước có 16,800 con (theo UBND xã Yang Tao, 2010- *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2010 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011*)

¹³ UBND xã Yang Tao (2011): *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2011*.

Xã Đăk Phoi nằm ở phía Nam trung tâm huyện Lăk, với diện tích đất nông nghiệp 9.692ha.¹⁴ Trong diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất trồng cây công nghiệp và cây lâu năm có hơn 1.029ha. Trong tổng số diện tích 1.106ha đất trồng cây hàng năm, chỉ có hơn 338ha trồng lúa nước, còn lại là đất trồng hoa màu, rau đậu và các loại cây tạp khác. Đăk Phoi có 4.090ha đất chưa sử dụng, chiếm tới 29,21% tổng diện tích tự nhiên của cả xã.¹⁵ Tính đến tháng 9 năm 2011, xã Đăk Phoi có 3.093 hộ gia đình với hơn 5.500 nhân khẩu; khoảng 61,7% dân số của cả xã là người M' nông, số còn lại là người Kinh và các tộc Tày, Nùng, Mường, Thái mới di cư đến trong những năm 1980 từ các tỉnh miền núi phía Bắc.¹⁶

Khác với Yang Tao, Đăk Phoi có thế mạnh về cây công nghiệp lâu năm (cà phê và điều). Tuy nhiên, theo kết quả phỏng vấn sâu, phần lớn diện tích cà phê trong xã thuộc về người Kinh và người dân các tộc người thiểu số nhập cư; một số trang trại hoặc vườn cà phê không phải của người Đăk Phoi, mà do người Kinh ở nơi khác đến mua đất rồi thuê người làm. Đại bộ phận bà con nông dân các tộc người thiểu số tại chỗ vẫn sống nhờ vào việc trồng lúa, ngô, các loại đậu đỗ và cây thực phẩm truyền thống. Theo chuẩn nghèo cũ (2006-2010), đến cuối năm 2009, Đăk Phoi vẫn còn 464 hộ nghèo, chiếm 15% tổng số hộ của cả xã.¹⁷

1.1.2. Mấy nét khái quát về tộc người M' nông ở huyện Lăk

Người M' nông vốn phân bố trên một vùng rộng lớn thuộc Tây Nguyên, thường được gọi là Cao nguyên M' nông. Địa bàn này kéo dài từ trung lưu sông Đồng Nai ở phía đông và trung tâm sông Xrê Pôk ở phía bắc cho đến bờ sông Mê Kông ở phía tây, tới vùng đồng bằng Stung Cheng (Cămpuchia). Hiện nay, phần đất Cao Nguyên M' nông ở Việt Nam nằm phía nam Tây Nguyên, chủ yếu là thuộc địa bàn tỉnh Đăk Nông và một số vùng lân cận của 3 tỉnh thuộc phía nam của tỉnh Đăk Lăk, phía đông nam của tỉnh Lâm Đồng, phía bắc của tỉnh Bình Phước và phía đông của Cămpuchia.

Hộp 2: Người M' nông ở Việt Nam

Tộc người M' nông thuộc nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở ngày 1/4/2009, tộc M' nông ở Việt Nam có 102.741 người, cư trú tại 51 trên tổng số 63 tỉnh/thành phố; trong đó tập trung nhiều nhất tại các tỉnh Đăk Lăk (40.344 người, chiếm 39.3 % tổng số người M' nông tại Việt Nam), Đăk Nông (39.964 người, chiếm 38.9 % tổng số người M' nông tại Việt Nam), Lâm Đồng (9.099 người), Bình Phước (8.599 người) và Quảng nam (4.026 người).

Tộc người M' nông có nhiều nhóm/nhánh khác nhau: M' nông Preh, M' nông Noong, M' nông Pràng, M' nông Bu Nơ, M' nông Kuênh, M' nông R'Lâm, M' nông Gar, M' nông Chil, M' nông Biăt và Bu Pràng. Hoạt động kinh tế của người M' nông khá đa dạng, thích nghi với các điều kiện cụ thể của môi trường sinh thái. Bộ phận người M' nông ở cao nguyên chủ yếu canh tác trên rẫy với các cây trồng chính là lúa, ngô, các loại đậu đỗ, dưa leo, bầu bí... Một bộ phận khác sinh sống ở vùng thấp sống dựa vào việc trồng lúa nước kết hợp với các loại cây hoa màu (ngô, sắn, khoai lang...).

Bon là đơn vị xã hội cơ bản nhỏ nhất của người M' nông. Trong thiết chế tự quản truyền thống của người M' nông, luật tục (*nau vay*) đóng vai trò quan trọng, bao quát toàn diện đời sống cộng đồng bon. Xưa kia, toàn bộ cộng đồng M' nông đều quan niệm. Quan niệm *vạn vật hữu linh (ndrăp ndrăp ge hùeng)* - mọi vật đều linh thiêng của người M' nông được biểu hiện thành một hệ thống thần linh, bùa ngải (*gun đrang*) và tục thờ cúng rất đa dạng. Hàng năm, người M' nông có các nghi lễ liên quan

¹⁴ Bộ Tài nguyên và Môi trường (2011): *Thống kê, kiểm kê diện tích đất đai xã Đăk Phoi, huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk – Biểu số 08-TKĐĐ*: Xã Đăk Phoi có tổng diện tích tự nhiên 14,058ha; Đất sản xuất nông nghiệp có hơn 2,135ha, đất lâm nghiệp có hơn 7,542ha.

¹⁵ Bộ Tài nguyên và Môi trường (2011) – đã dẫn.

¹⁶ Chi cục Thống kê huyện Lăk (2011): *Niên giám Thống kê huyện Lăk năm 2010*.

¹⁷ UBND xã Đăk Phoi (2010): *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội - an ninh quốc phòng năm 2010 và phương hướng năm 2011*.

đến nông nghiệp (cúng thân Lúa, cúng hồn công cụ sản xuất...); các nghi lễ cúng bói chữa bệnh; và các nghi lễ liên quan đến chu kỳ vòng đời. Từ khi có sự du nhập của Công giáo và đạo Tin lành, quan niệm về tín ngưỡng dân gian và các thực hành văn hóa của người M'ông có nhiều thay đổi.

Người M'ông duy trì loại hình gia đình nhỏ mẫu hệ (*rnoi deh mpeh ma me*). Theo phong tục/tập quán, sau hôn lễ, người chồng cư trú bên nhà vợ; đến khi họ có con thì được chia tài sản và tách ra ở riêng thành một gia đình mẫu hệ khác. Trong gia đình M'ông, về lý thuyết, người mẹ có quyền cao nhất, điều hành và quyết định mọi hoạt động trong gia đình cũng như ứng xử với bên ngoài xã hội. Chị em gái cùng những anh em trai trong gia đình bên mẹ là những người có quyền trực tiếp quyết định việc cưới chồng, cưới vợ cho con cái trong gia đình, chứ không phải là anh em dòng họ bên người cha. Việc chia tài sản cũng do bên người mẹ quyết định. Tài sản quan trọng bao giờ cũng được phân chia phần nhiều hơn cho người con gái út.

Người M'ông ở huyện Lắc chủ yếu thuộc nhóm M'ông R'Lâm. Do họ sinh sống ở vùng thấp nên người M'ông ở đây có vốn tri thức dân gian phong phú về các hệ thống canh tác trên các chân ruộng nước cũng như làm rẫy (xen canh, gối vụ, rải vụ, luân khoảnh...). Bên cạnh trồng trọt, người M'ông còn chăn nuôi nhiều loại gia súc, gia cầm. Hiện nay, một số hộ gia đình đã đào ao thả cá. Người M'ông từng có một số nghề thủ công, đủ sức đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống hàng ngày như dệt vải, đan lát mây tre, nghề mộc, nghề rèn... Ngoài ra, người M'ông còn rất giỏi trong việc nhận biết giá trị và khai thác các sản vật từ rừng, từ sông suối, hồ đầm. Các loại muông thú, rau rừng, măng, nấm, mật ong, đọt mây... lấy từ rừng; các loại cá tôm, cua ốc,... bắt được ở sông suối, ao hồ một thời được coi là nguồn thức ăn chính của các gia đình. Nhiều hộ gia đình M'ông ở huyện Lắc đến nay vẫn lưu giữ các khí cụ săn bắn hoặc công cụ đánh bắt động vật thủy sinh (bẫy chông, bẫy sập, cung tên, giáo mác, chài lưới, v.v...). Đặc biệt, người M'ông ở huyện Lắc từng có truyền thống săn bắt và thuần dưỡng voi rừng.¹⁸ Đến nay, đàn voi của huyện Lắc vẫn được duy trì, tuy không còn đông đúc như xưa.

Phân công lao động ở người M'ông chủ yếu vẫn dựa theo lứa tuổi và giới tính. Nam giới đảm nhiệm những công việc nặng nhọc hơn, nhưng phụ nữ cũng tham gia vào tất cả các hoạt động sản xuất nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi). Đối với các nghề thủ công, phụ nữ là lao động chính trong nghề dệt, nam giới làm nghề mộc, nghề rèn và đan lát mây tre. Trong khai thác các nguồn lợi tự nhiên, nam giới săn bắn, đánh bắt cá, phụ nữ chủ yếu hái lượm. Đặc biệt, ở người M'ông rất phổ biến các hình thức vắn công, đôi công trong hoạt động sản xuất.

Nhìn chung, người M'ông ở các điểm nghiên cứu đang trong quá trình chuyển đổi sâu sắc. Nhiều đặc trưng văn hóa truyền thống (thể hiện cả trong văn hóa mưu sinh, văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần) đã không còn được bảo lưu nguyên trạng. Đạo Tin lành ảnh hưởng lớn đến các thực hành văn hóa của người dân. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là các yếu tố truyền thống đã hoàn toàn bị loại bỏ. Về cơ bản, bà con nông dân M'ông vẫn có tâm lý bảo lưu hệ thống nông nghiệp đa canh/xen canh với cây lúa làm trọng tâm nhằm đảm bảo an ninh lương thực và cách thức tổ chức lao động truyền thống, dựa trên nền tảng nền tảng cộng đồng (đôi công, vắn công).

1.2. Sự du nhập của cây cacao và chủ trương phát triển cacao của tỉnh Đắk Lắk

Cây cacao lần đầu tiên được người Pháp đưa vào Việt Nam từ khoảng giữa thế kỷ XX, nhưng chưa bao giờ được coi là loại cây hàng hóa. Trong những năm 1960, người Mỹ lại đưa cacao vào miền Nam. Thời gian đó, chiến sự đang diễn ra và tình hình bất ổn ở khu vực nông thôn

¹⁸ Trước 1945, vua Bảo Đại có một đội voi giao cho người địa phương ở Lắc nuôi giữ, chuyên phục vụ cho các cuộc săn bắn của nhà vua.

khiến cho cacao không có cơ hội phát triển. Trong những năm 1980, Nhà nước đã cố gắng đưa cây cacao trở lại với sự hỗ trợ của một số doanh nghiệp quốc doanh. Hàng ngàn nông dân đã tham gia trồng giống cacao Theobroma tại một số tỉnh thuộc miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long. Chỉ tính riêng tại tỉnh Quảng Ngãi, đã có khoảng 3.000ha cacao được trồng trong thời kỳ này. Một nhà máy nghiền hạt cacao với trang bị kỹ thuật cao và hiện đại cũng đã được xây dựng vào giữa những năm 1990 nhưng lại không có người thu mua hạt cacao tại địa phương và không có sự tiếp cận với thị trường quốc tế, trừ một số ít nông dân chủ yếu sử dụng cacao cho tiêu dùng trong gia đình dưới dạng rượu cacao nên đa số nông dân đã từ bỏ sản xuất cacao. Tiếp đó nhà máy nghiền cacao cũng đã đóng cửa. Đầu năm 2000, các nhà nghiên cứu thuộc trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh (NLU) đã cố gắng mang cây cacao trở lại nhưng họ đã không thành công như mong đợi. Nhờ những chủ trương mới của Chính phủ và Bộ NN&PTNT, hiện nay cây cacao đã được đón nhận ở nhiều địa phương thuộc miền Tây Nam Bộ và Tây Nguyên.¹⁹

Tại Đắk Lắk (cũ), những cây cacao đầu tiên được người Pháp đưa vào trồng thử ở Buôn Hồ, nhưng vì nhiều lý do, cacao đã không thể phát triển. Giữa những năm 1980, hai kỹ thuật viên của tỉnh được gửi đến Cuba để tìm hiểu kỹ thuật trồng cacao. Năm 1987, phong trào trồng cacao được phát động và diện tích trồng cacao của tỉnh có lúc đã đạt khoảng 1.000 ha. Tuy nhiên, với những khó khăn trong việc tiếp cận thị trường thế giới, cây cacao đã dần dần bị chặt phá. Đến năm 1999, trong khuôn khổ của chương trình phát triển cacao của Quỹ Cacao thế giới và DANIDA (hợp tác với NLU), các mô hình cacao đã hình thành ở Đức Lập, Đắk Mìn, Krông Bông, Cư M'ngă, Ma Drak, Krông Nô, Ea Kar và huyện Lắk. Giống cacao được trồng trong giai đoạn này chủ yếu là giống lai nhập khẩu từ Malaysia. Cacao được trồng độc canh với các loại cây che bóng tạm thời như muồng hoa vàng và chuối.

Ngoại trừ một số mô hình tích hợp giữa cacao và điều, hầu hết các trang trại đã không thành công vì nông dân không đầu tư chăm sóc thích hợp, duy trì đầy đủ màu và cây chắn gió. Năm 2001, GTZ tài trợ một dự án cho Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh (NLU) để đánh giá hiệu quả của mô hình cacao lai được xây dựng trong các chương trình của DANIDA và sau đó phát triển các mô hình mới.

Ngày 2/4/2002, UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành Quyết định số 821/QĐ-UB về việc phê duyệt dự án quy hoạch vùng phát triển cây cacao trên địa bàn tỉnh đến năm 2010 là 10.000ha (sau này, khi tách tỉnh, diện tích cacao được quy hoạch nằm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là 6.000ha). Các huyện được quy hoạch phát triển cacao ở tỉnh Đắk Lắk là Ea Kar, Ma Đ'răk, Krông Bông, Krông Năng, Ea H'leo và huyện Lắk. Được sự khuyến khích bởi chủ trương của tỉnh, năm 2002, Công ty ED&F Man thực hiện chương trình phát triển cacao ở huyện Đắk Mìn (lúc đó còn thuộc về tỉnh Đắk Lắk), trên những diện tích đất màu mỡ, phù hợp nhưng không thuận lợi cho việc phát triển cà phê (cây cacao cần ít nước hơn cà phê). Trong chương trình này, ED&F Man và NLU cung cấp cây giống vô tính cho nông dân và ký kết hợp đồng mua hạt cacao. Các giống cacao có năng suất cao đã được giới thiệu trên một quy mô lớn. Nhiều hộ nông dân bắt đầu phát triển cacao để thay thế cây cà phê cũ. Một số công ty cà phê đã chuyển những diện tích cà phê cũ sang trồng cacao²⁰. Năm 2003, một Chương trình hợp tác Hà Lan với các thị trường gắn kết (PSOM) được thực hiện, có sự kết hợp giữa sự bảo trợ của chính phủ Hà Lan với NLU và tập đoàn Cargill. Trong chương trình này, các chuyên gia của NLU phụ trách đào tạo kỹ thuật cho nông dân trồng trọt, thu hoạch và lên men để đảm bảo chất lượng hạt cacao. Công ty Cargill đã thiết lập một hệ thống thu mua với mạng lưới ở nhiều huyện. Cargill cũng đã ký hợp đồng mua phân bón cung cấp cho các hộ nông dân trồng cacao.

¹⁹ Helvetas (2008): *Nghiên cứu khả thi Cacao hữu cơ và Thương mại công bằng tại Việt Nam*.

²⁰ Công ty Krông Ana 240ha; Công ty cà phê Buôn Hồ 144ha; Công ty cà phê Tháng Mười 150ha.

Trong năm 2007, chương trình Success Alliance được tài trợ bởi chính phủ Hoa Kỳ bắt đầu hoạt động ở huyện Lắc, Ea Hleo và Ea Kar. Trong 2 giai đoạn của dự án, 84 câu lạc bộ nông dân trồng cacao đã được thành lập với 3.440 hộ tham gia. Mỗi hộ nông dân tham gia câu lạc bộ được cấp 150 cây giống cacao ghép, được đào tạo kỹ thuật về trồng và chế biến cacao. Các khóa đào tạo được thực hiện hàng tháng trong những năm mà dự án triển khai. Kết thúc dự án (tháng 9/2011), toàn tỉnh vẫn duy trì được 79 câu lạc bộ cacao, với sự tham gia của 2.577 hộ nông dân.²¹

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực, nhưng đến năm 2010, diện tích cacao toàn tỉnh chỉ đạt 1.935ha, xấp xỉ 1/3 kế hoạch đề ra trong Quyết định số 821/QĐ-UB, ngày 2/4/2002 về việc phê duyệt dự án “*Quy hoạch vùng phát triển cây Cacao trên địa bàn tỉnh đến năm 2010*” là 6.000ha (sau khi đã trừ diện tích do chia tách tỉnh Đắk Nông). Những trở ngại chính cho sự phát triển của cacao được chỉ ra là: i) Cacao là cây trồng mới, chưa thể hiện tính hiệu quả vượt trội so với các cây trồng khác; ii) Chưa có bộ giống đảm bảo chất lượng; iii) Dự án chỉ triển khai tại các huyện nghèo, nông dân thiếu vốn đầu tư; iv) Thiếu các chính sách cụ thể trong việc hỗ trợ nông dân, nhất là chính sách hỗ trợ vốn; và v) Chưa chú trọng tới việc lồng ghép kế hoạch phát triển cacao với các chương trình/dự án của Nhà nước như chương trình 134, chương trình 135 hoặc chương trình xóa đói giảm nghèo.²²

Riêng tại huyện Lắc, hiện có 5 xã tham gia dự án “*Phát triển sản xuất Cacao bền vững tại các nông hộ*”: Đắk Phơi, Yang Tao, Bông Krang, Đắk Nuê và Đắk Liêng. Từ năm 2007 đến nay, Trung tâm Khuyến nông tỉnh đã xây dựng 3 mô hình trình diễn ở huyện Lắc, thành lập và duy trì 39 câu lạc bộ sản xuất cacao với 1.332 hộ nông dân tham gia. Một đội ngũ tập huấn viên là người dân tộc thiểu số được xây dựng với hơn 20 cán bộ nòng cốt. Các tập huấn viên được đào tạo bài bản, liên tục theo chu trình phát triển của cây trồng và những tình huống sâu bệnh phát sinh. Đặc biệt, trong khuôn khổ của dự án lần này, công tác liên kết thị trường và thông tin được coi là một trong những ưu tiên hàng đầu. NLU đã tổ chức nhiều lớp tập huấn lên men cho nông dân và hình thành mạng lưới thu mua cacao tươi tại chỗ. Với 8 điểm thu mua và lên men, đầu ra của nông dân sản xuất cacao huyện Lắc cơ bản được giải quyết. Tính đến năm 2011, huyện Lắc đã trồng được 205ha cacao thuần. Các vườn cacao trồng trong những năm 2007-2008 đã bắt đầu cho thu hoạch và sản lượng hạt cacao năm 2010 ở huyện Lắc đã đạt hơn 5.000kg.²³

Mặc dù được Ban Quản lý Dự án đánh giá là thành công, câu chuyện về cây cacao ở huyện Lắc vẫn đang đặt ra nhiều vấn đề. Ban đầu, Ban Quản lý Dự án đã thành lập ở đây 40 câu lạc bộ sản xuất cacao với 2.106 hộ nông dân, chủ yếu là người dân tộc thiểu số tại chỗ; nhưng kết thúc dự án, chỉ còn 39 câu lạc bộ hoạt động với sự tham gia của 1.332 nông hộ (63,24%). Sức lan tỏa của cây cacao không lớn và nếu không có sự hỗ trợ của Dự án, không có hộ nông dân dân tộc thiểu số tại chỗ nào chủ động trong việc trồng cacao.

II. NHỮNG RÀO CẢN TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN CÂY CACAO Ở HUYỆN LẮK

1. Lợi ích kinh tế không vượt trội

Yang Tao là một trong những xã không có điều kiện thuận lợi để phát triển các loại cây công nghiệp lâu năm. Người M'Nông ở Yang Tao từ nhiều đời nay chỉ sống dựa vào trồng lúa và hoa

²¹ Trung tâm Khuyến nông tỉnh Đắk Lắk – Dự án Phát triển sản xuất Cacao bền vững tại các nông hộ (2011): *Báo cáo Tổng kết thực hiện “Dự án Phát triển sản xuất Cacao bền vững tại các nông hộ giai đoạn 2010-2011”*.

²² Sở NN&PTNT tỉnh Đắk Lắk (2011): “*Báo cáo tình hình thực hiện dự án 6.000ha Cacao*”.

²³ Các số liệu trên được tổng hợp từ *Báo cáo Tình hình công tác 9 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm* của Phòng NN&PTNT huyện Lắc và *Báo cáo Tổng kết thực hiện dự án “Phát triển sản xuất Cacao bền vững tại các nông hộ”* của Trung tâm Khuyến nông Tỉnh.

màu. Các khu vườn tạp mà ngày nay một số hộ gia đình đã chuyển sang trồng cacao vốn không cho nhiều thu nhập kinh tế. Thực tế là hầu hết các vườn trồng cacao mới ra quả bói nên người dân cũng chưa hạch toán được hết các chi phí về kinh tế. Trong một cuộc thảo luận nhóm, khi xếp hạng ưu tiên, nhóm nam nông dân tham gia các câu lạc bộ của dự án SA đã coi cây cacao là loại cây ưu tiên số 2, sau cây lúa. Theo họ, cây cacao tuy không cho nhiều lợi nhuận, nhưng chí ít cũng cho các khoản thu nhập tiền mặt có ý nghĩa nào đó đối với đời sống gia đình.

Tuy nhiên, bộ phận người dân không tham gia câu lạc bộ, chưa trồng cây cacao, hoặc có trồng nhưng chưa nhiều lại **tỏ ra nghi ngờ về lợi ích kinh tế của cây cacao** so với các loại cây trồng khác. Một nông dân 28 tuổi, người Ê-đê đến ở rẫy tại buôn Yooc Đuôn đã được 5 năm thì đưa ra nhận xét rằng, người M'Nông ở Yang Tao không thích trồng cây công nghiệp mà chỉ thích trồng lúa. Khi về làm rẫy, anh đã là người đầu tiên trồng sắn, thu hoạch được năng suất cao. Theo anh, trồng sắn (và cả lúa mỳ) dễ hơn cacao nhiều, mà sản phẩm lại nhìn thấy rõ. “*Trồng sắn không cần bón phân, chỉ cần làm cỏ, làm dễ hơn cả trồng ngô. Máy sào sắn nhà em có khi thu được đến 30-40 triệu*”. Anh cũng cho biết nếu được chọn cũng thích trồng tiêu, vì dễ bán, bán tươi cũng được, khô cũng được, còn “*thực ra cây cacao vì cho không nên dân mới trồng thử thôi*”.

Cây cacao dường như không có lợi thế so sánh so với một số cây công nghiệp, đặc biệt là café. Tại Đắk Phơi, một nhóm nông dân người M'Nông và người Tày đã giúp các nghiên cứu viên phân tích lợi nhuận của việc sản xuất cacao qua việc xem xét dòng doanh thu và chi phí theo thời gian, từ lúc đầu tư ban đầu cho việc hình thành vườn cacao tới chi phí cho cơ sở hạ tầng và trang thiết bị và chi phí sản xuất, bao gồm cả chi phí vật tư và nhân công. Phân tích được tiến hành theo giá cố định ở thời điểm điều tra và dựa trên kinh nghiệm trồng cà phê và tài liệu kỹ thuật trồng cacao để ước tính các chi phí và doanh thu trung bình trên một đơn vị diện tích là 1.000m². Giả định rằng tới năm thứ 6 thì sản lượng Cacao ở trạng thái ổn định, các dòng chi phí và doanh thu cũng ở tình trạng ổn định. Kết quả phân tích như sau:

Bảng 1: So sánh giá trị kinh tế giữa hai cây café và cacao

Năm	Công việc (<i>đơn vị: 110 cây/1 sào – 1000 m²</i>)	Chi phí cho cacao (<i>đơn vị: nghìn đồng</i>)	Chi phí cho café (<i>đơn vị: nghìn đồng</i>)
1	Đào hố	200.000	200.000
	Xử lý hố, xục bùn	300.000	200.000
	Cây giống	660.000	330.000
	Cố định cây, trồng	300.000	100.000
	Phân bón	132.000	324.000
	Tưới nước	200.000	200.000
	Làm cỏ	800.000	800.000
	Thuốc mối, rầy, rệp	550.000	175.000
	Làm túp	200.000	
	Tổng chi	3.342.000	2.329.000
2	Làm cỏ vườn	400.000	400.000
	Trồng giặm	190.000	80.000
	Thuốc rệp	500.000	250.000
	Phân bón	265.000	650.000
	Làm cỏ bồn	400.000	500.000
	Tưới nước	600.000	800.000
	Tia chổi	100.000	300.000
	Tổng chi	2.455.000	2.980.000
3	Làm cỏ	400.000	400.000
	Thuốc sâu	650.000	600.000
	Tia chổi	100.000	400.000

	Tưới nước	800.000	1.200.000
	Phân bón	850.000	1.400.000
	Tổng chi	2.800.000	4.000.000
	Thu bói	350.000	840.000
4	Làm cỏ	200.000	300.000
	Thuốc sâu	130.000	130.000
	Tia chổi	100.000	400.000
	Tưới nước	800.000	1.200.000
	Phân bón	800.000	1.200.000
	Thu hoạch	100.000	400
	Phơi khô		200
	Tổng chi	2.130.000	2.631.200
	Bán	2.310.000	6.000.000
5	Làm cỏ	200.000	300.000
	Thuốc sâu	130.000	130.000
	Tia chổi	100.000	400.000
	Tưới nước	800.000	1.200.000
	Phân bón	800.000	1.200.000
	Thu hoạch	100.000	400.000
	Phơi khô		200.000
	Tổng chi	2.130.000	2.631.200
	Tổng thu	3.850.000	9.000.000
	TỔNG CHI 5 NĂM	13.037.000	14.571.400
	TỔNG THU 5 NĂM	6.510.000	15.480.000

(Nguồn: thảo luận nhóm của đại diện các hộ trồng cây cacao tại xã Đăk Phơi, huyện Lắk ngày 3/11/2011).

Bảng 1 cho thấy, nếu dựa trên phân tích chi phí – thu nhập giữa cà phê và cacao thì nhóm người dân trồng cacao tại Đăk Phơi sẽ lựa chọn cà phê để phát triển chứ không phải cacao. Trên cùng diện tích 1000m², tổng chi phí trồng cà phê cao hơn so với chi phí trồng cacao tương ứng với 14.571.000 đồng và 13.037.000 đồng. Trong khi đó doanh thu thì ngược lại, tổng doanh thu từ cà phê trong 5 năm là 15.480.000 đồng so với 6.510.000 đồng từ cacao. Đa. Dễ dàng nhận thấy là mặc dù chi phí lớn hơn, nhưng cây cà phê cũng mang lại lợi ích kinh tế cao hơn nhiều so với cacao.

Bản thân cán bộ trạm thu mua của công ty Cargill tại Buôn Ma Thuật cũng thẳng thắn thừa nhận rằng, *trên cùng một đơn vị diện tích, cây cacao không thể so sánh được với cây cà phê về sản lượng và hiệu quả kinh tế*. Thảo luận nhóm cán bộ xã Đăk Phơi cũng cho biết, hiện nay cây cacao không phải là cây mang tính chất hàng hóa ở đây, mà là điều và cà phê. Một cán bộ địa chính cho biết tính ra cây điều lãi hơn và ít rủi ro hơn cây cacao. Cây điều chịu được thời tiết, chỉ cần bón phân vừa phải, không cần che chắn, một hecta có thể thu được khoảng 60 triệu. Tuy nhiên cây điều phải trồng cách nhau 10m, nên có thể xen cây cacao vào trồng cùng được. Còn cây cà phê được trồng tại các đồn điền từ thời Pháp thuộc, qua một thời gian dài đã trở thành một loại cây bản địa. Theo một cán bộ ở Sở Nông nghiệp tỉnh, người dân ở đây hiểu cây cà phê như người đồng bằng hiểu cây lúa. Cà phê đồng thời lại là loại cây đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất tại địa phương. Do đó cà phê luôn là loại cây được chọn trồng đầu tiên trong các loại cây công nghiệp. Theo đánh giá của *AgriFood Consulting International (2008)*, những trở ngại cho việc người dân chuyển từ cây cà phê sang cây cacao là rất rõ ràng:

Trong khi giá cacao cao và đang gia tăng thì tình hình cũng tương tự đối với cà phê. Đặc biệt là tại những khu vực sản xuất lớn như Tây Nguyên, động lực thúc đẩy nông dân bỏ cà phê để chuyển sang trồng cacao hay thậm chí chỉ trồng xen canh với cà phê là thấp. Với giá cả hiện nay thì cà phê mang lại thu nhập cao hơn; thời gian thu hoạch tập trung

trong khi đó thời gian thu hoạch đối với cacao kéo dài trong vài tháng. Ngoài ra, hầu hết nông dân đều đã quen với cây cà phê trong khi đó cacao là một cây trồng khá mới mẻ. Cao su có thể là cây trồng thay thế cacao. Có một số điểm khiến mọi người ủng hộ cacao như cacao ít rủi ro, sử dụng ít phân hoá học và nước hơn, đòi hỏi ít công chăm sóc hơn, vốn đầu tư ban đầu ít hơn, mang lại lợi ích về đa dạng sinh học và linh hoạt hơn trong việc thích nghi với các điều kiện sinh thái nông nghiệp có phạm vi rộng hơn so với cà phê và cao su. Chính phủ có chương trình cho vay vốn ưu đãi để trồng cây cao su nhưng lại chưa có một chương trình như vậy đối với cây cacao. Ngoài cà phê và cao su, còn có những cây trồng khác cũng có thể thay thế cho cacao. Minh chứng về những lợi thế của cacao so với các cây trồng cạnh tranh khác cần được trình diễn, giới thiệu và phổ biến tới người nông dân. Sự phát triển của ngành sản xuất cacao có thể bị làm chậm lại trừ khi thực hiện một nỗ lực liên tục theo hướng này.

Do cacao không có những lợi thế ‘siêu việt’ hơn cây cafe, theo đánh giá của một số bên liên quan, nên chỉ có thể được trồng tại những vùng đất không thích hợp hoặc quá hẹp để trồng cà phê. Về điều này, một lãnh đạo của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Đắk Lắk phân tích: nếu trên các khu vực thuận lợi cho việc trồng cà phê, cao su và hồ tiêu, cây cacao không thể cạnh tranh được. Nhưng ở các khu vực khác, cây cacao có thể là sự lựa chọn hợp lý hơn của người dân. Lý do được đưa ra là các nghiên cứu so sánh trước đó đã tính đến tất cả các yếu tố đầu vào và đầu ra của dòng sản phẩm cacao.

Cacao không phải là cây dành cho người nghèo vì nó không chỉ đòi hỏi phải có đất canh tác mà trong giai đoạn kiến thiết vườn (3-4 năm) nó đòi hỏi phải có nguồn vốn tài chính lớn. Các yếu tố kỹ thuật thì người nông dân có thể học hỏi và khắc phục được, nhưng tiền vốn luôn là một thách thức không dễ vượt qua đối với người nghèo và người dân các tộc người thiểu số tại chỗ. Dưới góc độ này, cacao không thể cạnh tranh với lúa và hoa màu, những loại cây trồng có thể cho thu hoạch chỉ trong một thời gian ngắn.

Sản xuất cacao đòi hỏi phải có vốn lớn, đặc biệt là trong những năm đầu. Kết quả đánh giá tại thực địa, các tập huấn viên cho biết: Đối với cacao thì chi phí vật tư bao gồm phân bón (cả phân hữu cơ và hoá học) và việc xử lý đất (như vôi), thuốc diệt nấm, thuốc trừ sâu, điện cho tưới tiêu và đầu tư cho cây chắn gió và che bóng tạm thời và lâu dài. Trong các năm thứ 1, 2, và 3, mỗi cây cacao cần một lượng phân NPK 16-16-8 tương ứng là 200, 400, và 600 gram. Bắt đầu năm thứ 4, công thức bón phân thay đổi sang sử dụng NPK 16-16-26 với tỷ lệ 0,9 và 1,5 kg/cây tương ứng trong các năm thứ 5 và năm thứ 6 trở đi. Vôi cần được sử dụng với tỷ lệ 0,5kg/cây trong năm đầu và 0,3kg/cây từ năm 2 trở đi. Bên cạnh đó, phân chuồng cũng luôn cần được sử dụng nhằm duy trì chất hữu cơ cho đất với tỷ lệ là 10kg/cây trong năm đầu và 5kg/cây từ năm 2 trở đi. Đó sẽ là một chi phí rất lớn nếu người nông dân canh tác cacao trên diện rộng. Theo một chủ nhiệm câu lạc bộ, một trong những người đầu tư trồng cacao nhiều nhất Yang Tao với 1000 cây, cho biết giá phân NPK 16-16-8 hiện nay là 600 nghìn đồng/1 bao 50kg. Phân chuồng chỉ bón được trong mùa khô, còn mùa mưa bắt buộc phải dùng phân hóa học. Vườn cacao nhà bà còn một năm nữa mới bói quả, hiện đang bị thiếu phân nhưng bà không biết vay mượn ở đâu để mua.

Chi phí cho thuốc diệt nấm và thuốc trừ sâu cũng rất đáng kể. Theo một cán bộ khuyến nông huyện Lắk, cây cacao ở đây thường gặp khá nhiều loại sâu bệnh. Đối với sâu hại, trong năm đầu tiên mỗi là nguy cơ lớn nhất; trong giai đoạn cacao cho sản lượng, bọ xít muỗi là vấn nạn chính. Điều này cũng được tất cả các nông dân trồng cacao xác nhận. Để ngừa mối, bà con nông dân thường sử dụng thuốc Chlorpyrifos; để kiểm soát bọ xít muỗi, bà con nông dân thường dùng các loại thuốc Cypermethrin và Dimethoate. Các loại bệnh mà cacao ở huyện Lắk thường gặp là bệnh thối đen quả và bệnh gỉ nấm (*agal rust*). Các kỹ thuật viên thường khuyến cáo nông dân sử dụng các thuốc diệt nấm như Metalaxyl, Cuprous oxide, Phosphonate potassium và Fosetyl-Al có thể được sử dụng trong trường hợp có áp lực cao về dịch bệnh.

Riêng với bệnh gỉ nấm, cần sử dụng ô xít đồng và thuốc diệt nấm phổ rộng (*broad spectrum*) để kiểm soát. Một người nông dân buôn Liêng Kênh, xã Đăk Phơi đang trồng 50 cây cacao do dự án cho giống cho biết cây bị sâu bệnh nhiều mà không có tiền mua thuốc sâu nên “*kệ, cây nào sống thì sống, chết thì chết*”.

Chi phí về nhân công cho sản xuất cacao bao gồm công đào hố và trồng (vào thời điểm thành lập vườn), sử dụng phân bón và chăm sóc cây, tưới, tỉa cành và làm cỏ, thu hoạch, lên men và sấy khô (trong giai đoạn chăm sóc và kinh doanh). So với các loại cây khác như cà phê hay cao su, chi phí nhân công cho cacao được đánh giá là thấp hơn. Nhưng do thời gian thiết kế vườn kéo dài (3-4 năm), cộng gộp chi phí nhân công cũng rất đáng kể. Ngoài ra, các cơ sở sản xuất cacao còn cần có các khoản chi để mua bình phun thuốc và máy bơm. Riêng các cơ sở lên men còn cần trang bị thêm các thùng lên men.

Chi phí ở khâu thu mua và chi phí cho những rủi ro về chất lượng cacao cũng là một yếu tố cần tính đến. Theo phỏng vấn cán bộ của Cargill, hiện nay Cargill không thu mua tại chỗ mà chỉ thu mua qua pháp nhân. Người có pháp nhân phải chở cacao đến trạm thu mua. Trong khi đó, mạng lưới thu mua chưa phát triển. Hơn nữa, rủi ro trong khâu chế biến, bảo quản dẫn đến việc nếu bị trả lại vì thối hoặc có mùi thì cũng làm tăng chi phí cho người dân trong việc trồng, lên men và kinh doanh cacao.

Việc vay vốn để trồng cacao khó hơn so với vay vốn trồng café hay các loại cây ngắn ngày. Năng suất và chất lượng cacao phụ thuộc vào nhiều yếu tố: giống cây trồng, kỹ thuật chăm sóc (che nắng, chắn gió), sự kiểm soát sâu hại dịch bệnh và mức độ dinh dưỡng của đất. Trong các yếu tố kể trên, sự kiểm soát sâu hại dịch bệnh và mức độ tăng cường dinh dưỡng cho đất có ảnh hưởng rất lớn đến năng suất. Cả 2 yếu tố này đều cần đến sự đầu tư mạnh về tài chính. Tuy nhiên các cuộc phỏng vấn sâu tại các điểm nghiên cứu cho thấy vay vốn cho cacao khá khó, đồng thời người dân cũng ngại ngân đề vay. Điều này được lý giải rằng người cho vay lo ngại về lợi ích kinh tế thu được từ cacao, cũng như những rủi ro có thể xảy ra do qui trình kỹ thuật quá phức tạp:

“Ngân hàng không cho mình vay vốn trồng cacao như cách cho người Duôn vay để trồng cà phê đầu, mà vay bên ngoài thì không vay dài được. Vay vốn trồng ngô chỉ một năm là trả được rồi chứ vay trồng cacao thì hết hạn vay chưa được lời, sao trả nổi nợ. Người có tiền không dám cho vay mà mình cũng sợ không dám vay vì biết có trả được không mà vay.”
(người dân, bon Tlông, xã Đăk Phơi).

Hiện chưa có các chương trình hỗ trợ tiếp cận nguồn tín dụng trung hạn cho cacao (tương tự như đã xảy ra trước đây trong việc phát triển cà phê hoặc cao su tiêu diên). Theo các cán bộ xã Đăk Phơi, người dân nếu muốn trồng ngô thì rất dễ vay vốn, cả của ngân hàng nhà nước và tư nhân vì vụ ngắn ngày, có thể trả được; và nếu vay của tư nhân, khi thu hoạch có thể bán luôn cho chủ nợ. Nhưng cây cacao trồng vài năm vẫn chưa thấy sản phẩm, nên việc vay được tiền sẽ khó. Theo *Agrifood Consulting International* (2008), các nông hộ sản xuất cacao chỉ đạt đến điểm hòa vốn vào năm thứ 4, từ năm thứ 5 trở đi mới bắt đầu kinh doanh. Như vậy, toàn bộ thời gian từ năm thứ 4 trở về trước, sản xuất cacao đồng nghĩa với việc chi phí không lợi nhuận. Đối với các nông hộ nghèo, các hộ dân tộc thiểu số tại chỗ - những người thuộc nhóm yếu, rất hạn chế về đất trồng và các dòng tín dụng - đó là một thách thức không dễ vượt qua. Với nguồn tín dụng trung hạn (2-4 năm) như hiện nay, cây cacao khó có thể phát triển. Thậm chí đối với những nông dân khá giả hơn thì những trở ngại về tài chính cũng sẽ là vấn đề khi họ áp dụng hình thức canh tác độc canh trên diện rộng.

2. “Cacao kén người trồng” - Kỹ thuật chăm sóc và chế biến khó và rủi ro cao

Nhận định phổ biến trước đây rằng có thể trồng cacao trên những vùng đất xấu, đất nghèo đã được chứng minh là không hoàn toàn chính xác. Các chuyên gia nông học cho rằng cây cacao thích ứng tốt với nhiều loại đất ở Việt Nam, đặc biệt phát triển tốt trên các loại đất pha cát, đất thịt, đất đỏ bazan, và vì thế Đắk Lắk được xem là một trong những tỉnh có tiềm năng đất đai cho việc trồng cacao. Các cán bộ ở tỉnh và địa phương cũng cho rằng cây cacao không kén đất, bởi có thể trồng ở những vùng đất xấu, đất trồng cà phê không được. Tuy nhiên, trong các cuộc thảo luận nhóm, người dân khẳng định ở nơi có đất cát thì không trồng được cacao. Tại vùng đất cát và gió mạnh không thể trồng cà phê như Yang Tao, cây cacao thường bị chết, bị bật gốc, rụng lá, đặc biệt là trong mùa mưa và khi có gió to. Theo lời kể một người trong hội nông dân Đắk Phơi, 3 sào cacao của ông chỉ sống được 4-5 tháng mặc dù gia đình ông chăm sóc theo đúng quy trình kỹ thuật đã được tập huấn. Lý do là vườn cacao của gia đình ông trồng trên ‘đất nóng’ (*teh doh*), tức là đất pha cát. Để có được thu hoạch tốt, cây cacao vẫn đòi hỏi những điều kiện nhất định về đất và nước tương tự như cà phê. Một cán bộ địa chính xã Đắk Phơi khẳng định trồng đại trà cây cacao thì rất khó, vì đất tốt bà con đã trồng hết cà phê, mà đất xấu thì cacao cũng không tốt. Hơn nữa, những khu đất tốt, đất bazan phần lớn là khu của người “xâm canh”, đó là người Kinh ở nơi khác đến mua đất để trồng, còn người dân thiểu số ở những chỗ đất không tốt.

Kể cả khi trồng trên đất tốt cacao cũng cần liên tục bổ sung chất khoáng dinh dưỡng. Nhưng cho đến nay, công thức phân bón thích hợp cho từng vùng, trong từng giai đoạn phát triển của cây cacao chưa được nghiên cứu. Hiện nay, những khuyến cáo về phân bón chưa cụ thể và người trồng phải dựa trên khuyến cáo chung này để điều chỉnh cho phù hợp với vườn cacao của mình thông qua biểu hiện về sinh trưởng và phát triển cây.²⁴

Nước ảnh hưởng rất lớn đối với năng suất và chất lượng hạt cacao. Theo tính toán của các nhà chuyên môn, mặc dù cacao không đòi hỏi nhiều nước như cà phê, nhưng đây vẫn là yếu tố quan trọng đối sự phát triển của cây trồng. Thiếu nước làm hạt cacao nhỏ nên năng suất và chất lượng kém. Hiện nay, cách tưới nước cho cacao thường dựa trên kỹ thuật tưới cho cà phê hoặc tùy theo cảm nhận của người trồng. Đối với người dân các tộc người thiểu số tại chỗ huyện Lắk, đây là một trở ngại lớn, bởi đa số nông dân thuộc nhóm đối tượng này chưa từng trồng cà phê. Kỹ thuật tưới nước hiện nay trong vùng cacao huyện Lắk có 2 hình thức chính: Đào giếng để khai thác nước ngầm hoặc tận dụng các nguồn nước sông suối, ao hồ. Nước được bơm và tưới bằng ống nhựa. Đây là cách tưới phổ biến nhất cho hầu hết các loại cây trồng và thông thường thì bà con nông dân tưới nhiều nước hơn so với nhu cầu của cây trồng. Chi phí cho việc tưới nước cũng được coi là quá đắt đối với hầu hết nông hộ kinh doanh nhỏ. Một phụ nữ xã Yang Tao cho biết: “*cacao chăm sóc khó, tưới nước nhiều, tôi đi tập huấn về hướng dẫn cho cả chồng và đưa cháu để cùng làm cacao nhưng mãi không thuận thực*”.

Tuy nhiên, lượng mưa quá cao cũng gây nên bệnh thối trái và hiện chưa có biện pháp phòng chống hữu hiệu. Theo một kỹ sư nông nghiệp huyện Lắk, mưa nhiều và gió lớn là hai điều kiện tự nhiên tại Lắk gây thiệt hại lớn cho cacao, tuy nhiên lại chưa có kỹ thuật nào được đề ra để giảm thiểu thiệt hại. Do vậy, mặc dù đã quyết tâm trồng cacao trên một diện tích lớn, tâm trạng “tim đập thành thịch”, lo lắng bất an về vụ thu hoạch đầu tiên trong năm tới như lời kể của người phụ nữ M’ nông – chủ nhiệm câu lạc bộ cacao – là hoàn toàn dễ hiểu.

²⁴ Các khuyến cáo về phân bón dựa trên 2 giai đoạn phát triển của cacao là thời kỳ kiến thiết cơ bản và thời kỳ kinh doanh. Trong thời kỳ đầu phân tổng hợp có thành phần đạm cao được khuyến cáo như 16-16-8 hay 20-20-10 với liều lượng 200g/cây/năm và 400g/cây/năm cho năm thứ nhất và năm thứ 2 sau khi trồng. Trong giai đoạn kinh doanh, phân tổng hợp có hàm lượng kali cao như 12-12-17 hay 18-40-30 được khuyến cáo với liều lượng từ 600 tới 1000g/cây/năm. Lượng phân cao 1800g/cây/năm đã sử dụng trong mô hình trồng thuần ở Tây Nguyên đã cho kết quả về năng suất rất tốt (trên 3kg/cây) (*AgriFood Consulting International 2008*, tài liệu đã dẫn)

“Cacao là loại cây rất kén người trồng” bởi kỹ thuật khó và đòi hỏi sự quan tâm ngay từ đầu và thường xuyên trong suốt quá trình. Đó là một nhận định được nhiều chủ nhiệm câu lạc bộ cacao cũng như các ban ngành nói đến. Khác với các loại cây trồng bản địa và ngoại lai khác (cà phê, điều), quy trình và kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cacao rất phức tạp. Cây cacao cần phải trồng xen ít nhất 4 loại giống (trên tổng số 8 loại), có cây che bóng, cây chắn gió, thường xuyên kiểm soát sâu hại/dịch bệnh, chăm sóc, lên men. Cây cacao không tự nhân giống được. Khi mới trồng, cacao sẽ chết nếu không có cây che bóng. Theo một cán bộ trạm khuyến nông thì cacao mới trồng mà sống được 80% đã là thành công. Một số hộ gia đình ở Đắk Phơi đã trồng nhưng cây đều bị chết, có những gia đình đã trồng 5 sào cacao nhưng rồi không chăm được nên cây bị chết hết phải bỏ. Trong các khu vườn chưa có cây che bóng, trước khi trồng cacao, người dân phải trồng cây muồng hoa vàng để lấy tán. Khi mới trồng, người dân phải làm “túp” (mỗi gốc một túp) để chắn gió và che nắng, và trong trường hợp vườn đã có cây che bóng và hàng rào, người dân phải tưới nước 4 lần trong một tháng. Để cho cây phát triển và cho nhiều trái đòi hỏi phải tỉa hết cành mọc thêm trên thân cây. Cacao là loại cây thường bị nhiều loại sâu bệnh tấn công: bọ xít, nấm làm thối trái (thuốc trừ sâu hiện chỉ có tại một số cửa hàng ở thị xã Buôn Ma Thuột)... Thường cứ 2 tháng lại có bọ xít, đặc biệt bị ảnh hưởng bởi mùa mưa. Bệnh thối trái cũng thường phát sinh trong điều kiện mùa mưa, còn bệnh gỉ nấm thường do bóng che chưa hợp lý và bị ảnh hưởng của gió mạnh. Trồng cacao cứ 20 ngày phải phun thuốc một lần. Nhiều loại bệnh thối trái do một loại nấm gây ra hiện chưa có thuốc chữa, mà chỉ phun để phòng chống. Chính vì vậy, nhiều người dân chưa trồng cacao đã trả lời rằng họ chưa sẵn sàng bởi người trồng cacao cần phải là người toàn tâm toàn ý và hết lòng chăm sóc cho cây trồng. Tại Yang Tao, có chủ nhiệm câu lạc bộ cacao được cử đi tập huấn để về dạy lại kỹ thuật trồng cacao cho các thành viên khác trong câu lạc bộ, tuy nhiên vườn cacao của chính người này thì trồng cây nào chết cây nấy do không được chăm sóc phù hợp.

Không phải ai muốn tham gia trồng cacao cũng được. Những tập huấn viên tổ chức các câu lạc bộ thông qua việc chủ động thông báo và chọn lựa, giới hạn số lượng 40 người một câu lạc bộ. Theo một chủ nhiệm câu lạc bộ, tiêu chí để chọn các hội viên là mời các gia đình muốn tham gia trồng cacao, nhà có giếng (để lấy nước), có bò (để lấy phân), có đất, có ống tưới, có lao động, và phải chăm chỉ lao động.

Quản lý chất lượng sản phẩm đầu ra là một thách thức kỹ thuật khác. Chất lượng lên men khó nhất. Hiện nay một số cơ sở tư nhân tự lên men, nhưng theo đánh giá, nếu không tập trung thì chất lượng không thể quản lý được. Hiện nay chưa có đơn vị nào kiểm soát được chất lượng lên men. Nhưng cacao chỉ có thể tiêu thụ được nếu sau khi lên men đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng UTZ. Đây là hệ thống đánh giá chất lượng do UTZ Certificate (một tổ chức phi chính phủ của Hà Lan chuyên đánh giá chất lượng cacao) đề xuất. Tại Đắk Lắk, UTZ Certificate đã ban hành bộ tiêu chí chất lượng cacao hạt gồm 175 tiêu chí. VinaContro được UTZ Certificate ủy nhiệm là cơ quan thực hiện việc xây dựng bản hướng dẫn, cách thực hiện các tiêu chí. Bộ tiêu chuẩn chất lượng hạt cacao cho Việt Nam cũng đã được Trung tâm tiêu chuẩn Việt Nam (STAMEQ) phê duyệt trong tháng 2/2006.

Bảng 2: Chỉ số phân loại của hạt cacao

Các chỉ số phân loại 1A, 1B, và 1C của hạt cacao			
Chỉ số	1A	1B	1C
Đếm hạt	10	< 110	< 120
Độ ẩm	Max 7,5 %	Max 7,5 %	Max 7,5 %
Hạt chai xám	Max 3,0 %	M x 3,0 %	Ma 3,0 %

Hạt m c	Max 3,0 %	M x 3,0 %	Max 3,0 %
Hạt vỡ/sâu/nảy mầm	Max 0,5 %	Max 2,5 %	Max 2,5 %
Tạp chất	Max 1,0 %	Max 1,0 %	Max 1,0 %
<i>Nguồn: Bảng thông báo dán tại Trạm thu mua Cacao Đắk Lắk</i>			

Theo cán bộ thu mua, có 2 loại mùi không được phép mua, đó là mùi thối thối (thường sau khi lên men 5 ngày sẽ phải phơi nắng, và nếu gặp mưa tỉ lệ hạt thối sẽ cao) và mùi khổi (thường do sấy không đúng kỹ thuật, khổi từ lò ám vào hạt). Lên men là kỹ thuật mới và khó, do đó người lên men thường dễ gánh chịu rủi ro. Cũng do tác động của khí hậu như vậy nên chất lượng thu mua mùa mưa kém hơn hẳn so với mùa khô.

3. Thiếu sự tương thích với văn hóa tộc người

3.1. Hệ thống canh tác cacao thiếu sự tương thích với các tập quán sản xuất truyền thống

Là một loài cây mới và xa lạ, cây cacao vẫn chưa tìm được chỗ đứng thực sự trong đời sống và các thực hành sản xuất của người M' nông ở huyện Lắk. Việc thất bại hàng loạt trong việc trồng cacao ở Đắk Phơi được một cán bộ xã người Kinh cho là “*bà con dân tộc thiếu số hiểu biết kém nên nghĩ ngẩn, không nghĩ đến cây công nghiệp*”, và cây cacao chết nhiều là do bà con lười. Tuy nhiên, bản thân gia đình của cán bộ đó chưa hề trồng cacao và cũng không muốn thay thế các cây trồng hiện tại sang trồng cacao. Có thể thấy định kiến về người dân tộc thiểu số (lười và kém hiểu biết) ám ảnh các cán bộ người Kinh ở tại địa bàn, mà chưa hề có nỗ lực tìm hiểu tại sao cây cacao không thành công như mong đợi ở cộng đồng người M' nông huyện Lắk.

Theo một nhận xét của cán bộ huyện, người nông dân Đắk Lắk hiện nay có tình cảm gắn bó với cây cà phê giống như người đồng bằng Bắc Bộ chú trọng cây lúa. *Cây cacao vẫn chưa tìm kiếm được tình cảm đó*. Đặc biệt, qui trình kỹ thuật, chăm sóc và thu hái của cây cacao chưa thực sự phù hợp với các tập quán sản xuất của người M' nông.

Người nông dân M' nông có *tập quán vắn công, đổi công* trong những lúc nông vụ chí kỳ. Vắn công (vào mùa vụ, một số hộ gia đình tập trung làm xong cho nhà này rồi làm sang nhà khác) và đổi công (nay tôi làm cho nhà anh, mai anh sẽ làm cho nhà tôi) là hình thức hợp tác dựa trên cả quan hệ huyết thống và láng giềng, thể hiện truyền thống tương trợ và gắn kết cộng đồng. Nhưng *cây cacao với qui trình trồng và chăm sóc khó, đòi hỏi sự kiên nhẫn và tỉ mỉ, chăm chỉ hàng ngày, không thể nhờ nhân công hay đổi công được, trong khi đó cà phê và điều có thể thuê dễ dàng*. Lịch mùa vụ hiện nay của người dân địa phương đã kín cả năm, trong đó việc trồng các loại cây lương thực như lúa, ngô là không thể thay thế. Cây cacao đòi hỏi một sự chăm sóc thường xuyên, từ tưới nước, bón phân tới rẫy cỏ, tía cành. Công việc dàn trải khiến cho không thể tiến hành đổi công như đổi với trồng lúa hay ngô, sắn. Bởi vậy những gia đình neo người hoặc không đạt được sự đồng thuận giữa hai vợ chồng thì không thể trồng cây cacao được. Một phụ nữ M' nông cho biết đã đăng ký nhận cây giống rồi phải trả lại vì chồng không muốn tham gia; bà và con gái không thể thực hiện được việc tưới cây nếu không có chồng góp sức. Mặt khác, việc thay đổi từ tập quán sản xuất thu hoạch tập trung theo mùa vụ sang thu hoạch lật vạt quanh năm cũng buộc người trồng cây bị trói buộc về mặt thời gian, không thể chủ động sản xuất hoặc làm thêm các công việc khác, cũng như không thể nhờ nhân công hay thậm chí thuê người. Việc thuê lao động nông nghiệp tại Tây Nguyên hiện nay đã khá phổ

biển, tuy nhiên chủ yếu chỉ diễn ra tại các trang trại cà phê của người Kinh. Trong các buôn, người dân vẫn thực hành tập quán đổi công, một hoạt động theo một già làng 86 tuổi là “*rất vui*”, trong khi “*làm thuê mắt tình cảm*”. Ông cho biết ngay cả việc thu hoạch cà phê ở trong buôn cũng thực hiện đổi công chứ không thuê người, vì người trong cùng buôn mà thuê nhau có thể bị coi là sự xúc phạm.

Như vậy, với qui trình trồng và chăm sóc cacao, người dân dường như *không tận dụng được những mạng lưới xã hội truyền thống của họ*. Tập quán đổi công, vẫn công không chỉ là biểu hiện của sự tương trợ giúp đỡ lao động, mà còn chính là phương tiện xã hội giúp người dân tăng cường và củng cố *sự gắn kết cộng đồng*, yếu tố quan trọng trong đời sống sinh kế và văn hóa của họ. Mặt khác việc trồng cacao đôi khi cũng không phù hợp với lối sống và phương thức tổ chức buôn làng của người M’ông nên không hiệu quả. Nhiều buôn ở Đắk Phơi vẫn nuôi lợn thả rông, vì quả cacao mọc thấp nên bị lợn ăn hoặc phá hết (trong khi đó cây cà phê quả cao không ăn được).

Đối với người M’ông có truyền thống mẫu hệ, người phụ nữ có vai trò khá chủ động trong cuộc sống. Khi tập huấn về cây trồng ở thôn buôn, thường chỉ chị em phụ nữ đi tập huấn²⁵. Tuy nhiên, các thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu cho thấy chị em phụ nữ thích trồng cà phê, lúa và ngô hơn là trồng cacao, nên họ không mặn mà với việc hiểu sâu về kỹ thuật sản xuất cây cacao. Bởi vậy, theo số liệu của Ban Quản lý Dự án Phát triển sản xuất cacao tại các nông hộ cho biết, trong tổng số 3.024 lớp tập huấn cho nông dân, số lượng chị em phụ nữ tham gia chỉ chiếm 20,9%.²⁶ Nam giới tham gia tập huấn nhưng phụ nữ lại là người tham gia làm việc nhiều trong quá trình chăm sóc. Như vậy, với cây cacao, dường như cả phụ nữ và đàn ông đều cảm thấy lúng túng và không tự tin trước các bước kỹ thuật và qui trình quá phức tạp đối với họ. Một người nông dân ở Đắk Phơi cho biết trồng cacao vì dự án cho thì nhận, và mặc dù “chán” cacao, nhưng vẫn phải chăm sóc vì sợ dự án thấy bỏ hoang thì sau này sẽ không cho hỗ trợ nữa: “*trồng cacao chán lắm, nhưng vẫn phải chăm nó, vì dự án kiểm tra không được thì xấu hổ lắm*”.

3.2. Thu nhập “lai rai” từ canh tác cacao không phù hợp với văn hóa tiêu dùng của người dân M’ông

Cây cacao có những đặc thù gây khó khăn cho người dân trong quá trình thu hái. Quả cacao chín không đều, nhưng khi quả chín rồi phải hái ngay không hỏng. Hái rồi cũng phải bán ngay chứ không thể chờ được nhiều rồi mới bán. Do thu hoạch “lai rai” kéo dài, thu nhập từ cacao cũng “lai rai”, chứ không dồn vào một lần như lúa, ngô hay cà phê (với 3 sào cacao, ngày nhiều nhất cũng chỉ bán được 100 nghìn đồng). Kiểu thu nhập như vậy chỉ có thể giúp cải thiện đời sống hàng ngày chứ không thể tiết kiệm được, nhất là đối với người dân huyện nghèo như Lắk. Một người dân ở buôn Liêng Kéch, xã Đắk Phơi phàn nàn rằng cây cacao mỗi ngày có vài quả chín, ngắt ra đi bán được vài nghìn, chẳng để làm gì, “*thà rằng không trồng còn hơn*”; và:

“Cây cà phê thu hoạch một lúc đỡ mệt, còn cacao dự án cho thì trồng thôi chứ thu hoạch cacao mệt lắm, lúc nào cũng rải rác, quả thì chín quả thì xanh, quả to quả nhỏ, lựa được vài quả bán có 3000 thì làm cái gì.”

²⁵ Thảo luận nhóm tại Đắk Phơi ngày 3/11/2011. Một số phụ nữ ở Đắk Phơi cho biết thêm đàn ông không đi tập huấn bởi sau khi tập huấn họ thường uống rượu, do đó sẽ quên hết những gì đã học.

²⁶ Trung tâm Khuyến nông tỉnh Đắk Lắk (2011): *Báo cáo Tổng kết thực hiện dự án “Phát triển sản xuất Cacao bền vững tại các nông hộ”*

Chính vì chứng kiến thu nhập từ cây cacao như vậy ở những nhà đã và đang trồng, những gia đình nông dân chưa trồng cảm thấy rất khó bị thuyết phục. Chủ tịch Hội Nông dân xã Đắk Phơi cho biết:

“khi cán bộ Hội nông dân đi tuyên truyền rằng cây cacao có lợi ích hơn cây cà phê, và dễ trồng hơn, thì bà con nói là không thích thu lại rai mất hết vốn. Người dân không mặn mà vì họ không nhìn thấy giá trị kinh tế thực sự. Nếu cây trồng nào mà thu theo vụ người dân sẽ được một cục tiền, có thể đầu tư vào cái khác.”

Việc thu hoạch một lúc có nghĩa là người dân sẽ có được một khoản tiền để mua cái gì lớn, đầu tư vào học hành cho con, và cũng có nghĩa là họ có thể trả được nợ. Chính vì thế, đối với họ, rất khó để vay vốn trồng cacao, và bản thân họ cũng không muốn vay nợ, vì khó có khả năng tiết kiệm trả nợ. Phó chủ tịch xã Đắk Phơi cũng bày tỏ: *“đồng bào mình chỉ có thích trồng những cây cho thu hoạch ngay và cùng một lúc. Còn cacao thì thu lãi nhất quanh năm, khó tiết kiệm nên dân không thích”*. Do đó, một quan điểm được nhiều cán bộ và người dân chia sẻ, đó là cacao chỉ là một loại cây phụ cho thu nhập phụ chứ không thể là loại cây chính như lúa, ngô và cà phê. Nói cách khác, cách thu hoạch cacao không thực sự tương thích với văn hóa tiêu dùng của người dân địa phương.

3.3. Với diện tích canh tác hạn chế, người dân ưu tiên trồng các loại cây có thể đảm bảo an ninh lương thực

Theo nhận định của ông trưởng ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk, thực tế mấy thập kỷ qua cho thấy rằng bà con các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hoàn toàn không có hạn chế gì trong việc học hỏi, tiếp nhận các giống cây trồng mới. Trái lại họ khá nhanh trong việc thích ứng, đặc biệt khi những loại giống này đưa đến các lợi ích thiết thực. Sự phát triển của cây cà phê ở Tây Nguyên cho thấy rằng tập quán văn hoá hay vấn đề kỹ thuật mới không hề là rào cản đối với việc tiếp nhận những yếu tố mới của người dân địa phương. Bởi vậy, ông cho rằng trở ngại lớn nhất hiện nay đối với đồng bào các dân tộc thiểu số trong việc mở rộng trồng cây cacao là thiếu đất, khi đất rẫy dùng để luân canh theo phương thức truyền thống của họ đã bị thu hẹp.

Khác với các tỉnh Tây Nam bộ và Bình Phước cacao được trồng xen với dừa hoặc điều, ở Đắk Lắk (và Đắk Nông) cacao chủ trương được trồng thuần (độc canh) trên các diện tích cà phê quá hạn kinh doanh và trồng xen trong các vườn nhà. Với mô hình trồng xen trong vườn nhà, một trong những trở ngại lớn nhất đối với người dân các tộc người thiểu số tại chỗ ở các điểm nghiên cứu là diện tích đất trồng của họ rất hạn chế. Tại xã Đắk Phơi, trung bình mỗi hộ nông dân chỉ có khoảng 0,63ha đất canh tác. Tại xã Yang Tao, trung bình mỗi nông hộ có khoảng 0,77ha đất sản xuất nông nghiệp, trong đó đất trồng lúa nước chiếm khoảng 30%. Đó là những số liệu tập hợp trên lý thuyết, trong thực tế tình hình phân bổ đất đai giữa các nông hộ phức tạp hơn rất nhiều. Những năm gần đây, hiện tượng tích tụ đất ở huyện Lắk đã diễn ra khá phổ biến, nhất là tại các xã có khả năng phát triển cây công nghiệp lâu năm mà Đắk Phơi là một ví dụ cụ thể: Phần lớn diện tích có thể phát triển cà phê đều thuộc sở hữu của những người từ nơi khác đến, diện tích đất sản xuất của các hộ nghèo luôn thấp hơn chỉ số trung bình của mỗi xã. Theo một già làng 86 tuổi, đất trồng cà phê tại Đắk Phơi trước đây vốn thuộc sự quản lý của nông trường. Đắk Phơi là một trong ba HTX từng nhận đất của nông trường để khai hoang trồng cà phê với sự trợ giúp về giống, phân bón và bơm tưới nước từ nông trường do con rể ông làm giám đốc. Tuy nhiên HTX Đắk Phơi đã trả lại đất cho nông trường do cây cà phê bị cháy hết trong mùa khô năm 1989. Sau khi nông trường giải thể, chỉ người ở nơi khác mới có tiền mua lại đất tại đây.

Mặt khác, đối với người M'ông ở Đắk Phơi và Yang Tao, nhu cầu an ninh lương thực luôn được đặt lên hàng đầu. Vì thế, đa số các hộ dân thường dành diện tích đất sản xuất nông nghiệp ít ỏi của mình cho việc trồng lúa, ngô, sắn và các loại rau đậu. Tất cả các hộ dân tham

gia câu lạc bộ trong khuôn khổ dự án SA ở các xã được nghiên cứu đều chỉ dành một phần nhỏ diện tích đất canh tác - thường là vườn nhà, vốn là vườn tạp, trồng các loại cây ít giá trị kinh tế - để trồng cacao. Một cán bộ người M' nông cho biết: *“cây cacao phải mất 2-3 năm mới bói quả, cho thu hoạch. Trong 2-3 năm ấy mà trồng hết cây cacao trên rẫy thì dân ăn gì”*. Để đảm bảo lương thực thường xuyên cho gia đình, việc tập trung vào cây cacao không đem lại cho người dân cảm giác an toàn. Một cán bộ nông nghiệp xã Yang Tao thì nhận định rằng mặc dù hiện tại diện tích trồng cacao ở xã còn ít, nhưng tiềm năng phát triển loại cây này có thể đến 200-300ha là diện tích hiện tại đang trồng ngô. Nếu người dân bỏ trồng ngô sang trồng cacao thì 200-300 ha này sẽ có thể trở thành nơi trồng cacao. Tuy nhiên, khả năng này rất khó xảy ra, bởi người M' nông luôn có xu hướng đề cao sự đa dạng trong cây trồng để đảm bảo nguồn lương thực.

4. Thiếu niềm tin bởi lợi ích chưa được kiểm chứng

4.1. Thất bại trong quá khứ và “pháp phòng” về tương lai

Năm 1987, cây cacao đã được trồng ở huyện Lắc. Cho đến nay, nhiều người dân huyện Lắc vẫn nhắc đến ông Nguyễn Lương Bình, một chuyên gia nông nghiệp, cũng là một cán bộ lãnh đạo chủ chốt của huyện, như một người có vai trò dẫn dắt đối với câu chuyện về cacao. Sau chuyến đi học hỏi kinh nghiệm từ Cu Ba, trở về địa phương, Nguyễn Lương Bình đã cùng UBND huyện phát động phong trào trồng cacao. Cuối những năm 1980, diện tích cacao của huyện Lắc đã đạt xấp xỉ 1.000ha. Tuy nhiên, do không tìm được thị trường, những nỗ lực của địa phương đã không mang lại kết quả như mong đợi. Phần lớn cacao bị nông dân chặt phá, một số cây còn sót lại cho đến nay vẫn cho quả nhưng giá trị không cao vì giống cũ cho ít hạt và hạt nhỏ. Một người nông dân nhớ lại:

“Vào những năm 1990, ông bà chỉ trồng cây cacao làm bóng mát chứ chưa biết gì [hiệu quả kinh tế] của loại cây này. Hồi đó, trẻ con thấy trái đẹp thì bóc ra ăn chơi, hạt thì vứt đi”

Năm 2002, khi tỉnh Đắk Lắk (cũ) có chủ trương trồng cacao, huyện Lắc được coi là một trong những vùng quy hoạch. Mặc dù được các cán bộ nghiên cứu của Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh tận tình hướng dẫn kỹ thuật và đảm bảo thu mua hết sản phẩm, cây cacao vẫn không thể phát triển. Giải thích về điều này, nhiều lý do đã được viện dẫn, nhưng có 3 ý kiến khá tập trung: i) sự thất bại của cây cacao trong những năm 1980 khiến cho người nông dân nghi ngại; ii) cây cacao đòi hỏi nhiều vốn hơn sự dự liệu của tỉnh, trong khi khả năng của nông dân có hạn; và iii) kỹ thuật trồng, chăm sóc cacao phức tạp hơn so với các loại cây trồng khác nhà café hay điều.

Nhiều tin đồn về sự thất bại của cây cacao cũng khiến người dân mất lòng tin. Khi được hỏi tại sao từ chối khi dự án cho giống cacao miễn phí năm 2007, một người dân thôn Đốc Đuôn, xã Yang Tao kể rằng: *“có nhiều tin đồn nên em ngại... Tin đồn rằng dự án cho không thì sau này sẽ đòi nợ, vì ở Buôn Ma Thuột trước cho người dân trồng cà phê đến mấy chục ha, sau này bị thu lại và người dân chỉ trở thành người làm thuê”*, người khác cũng giải thích: *“mặc dù cây cacao được dự án phát miễn phí, nhiều gia đình vẫn không dám nhận vì sợ phải trả nợ khi không bán được”*.²⁷ Một chủ tịch Hội Nông dân cũng xác nhận khi dự án cho giống cacao, một số bà con nói rằng sau này sợ bị truy thu nên không muốn nhận. Qua thảo luận nhóm tại xã Đắk Phơi, thực tế cho thấy các hộ người Tày mới di cư từ Cao Bằng vào để tiếp nhận cây cacao hơn do chưa phải trải qua những thất bại của các chương trình khuyến nông trước đây.

²⁷ Phỏng vấn bà H' Jum Kmanh tại Yang Tao ngày 2/11/2011.

Những thất bại trong quá khứ trở thành bài học cho người nông dân hiện tại. Một phụ nữ M'ông xã Yang Tao đang trồng cacao cho biết năm 1998, gia đình bà đã phải đốt 3 sào mía, có số lượng khoảng 19 tấn, trồng theo dự án, vì không có ai thu mua. Bà giải thích lý do quyết định trồng cây cacao mà không trồng mía sau khi đã có những trải nghiệm cay đắng với cây mía: *“Chị quyết định trồng cacao vì nếu sau này vườn cacao không có ai mua thì chị sẽ chặt làm củi đốt. Cacao làm củi được, còn cây mía thì không”*.

4.2. Thiếu thông tin và nhiễu loạn thông tin

Đa số nông dân và cán bộ đều thiếu thông tin, nhất là thông tin về thị trường, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và kỹ thuật chăm sóc cacao trong thời kỳ kinh doanh. Kết quả phỏng vấn cho thấy, không chỉ người dân mà ngay cả một số cán bộ cấp huyện và cấp xã đều rất mơ hồ về cây cacao. Một cán bộ Hội Phụ nữ trả lời rằng *“không biết gì về cây cacao”*, và *“nghe nói rằng chỉ trồng để giữ đất thôi”*, *“nghe nói trồng xong không có người thu mua”*.

Nhiều người dân đang trồng cacao không hiểu rõ cây cacao có thể sử dụng làm gì. Họ kể rằng cây cacao đã được trồng rải rác khá lâu, nhưng trẻ em thường chỉ ăn cái nhựa trắng rồi vứt hạt đi. Một người dân đang trồng 50 cây cacao do dự án giao cho đã được 2 năm, nói rằng *“không ăn cacao được đâu, chỉ ăn được cái trắng trắng, còn nếu ăn hạt thì chết ngay, nó nở hoa trong bụng chết ngay”*. Khi được hỏi vậy tại sao các công ty vẫn thu mua, anh nói *“chắc mua làm thuốc men gì đó, không biết đâu”*.

Một thanh niên ở Yang Tao kể rằng mặc dù nhìn thấy một số hàng xóm trồng cacao nhưng xã chưa bao giờ tổ chức thông báo chính thức và tập huấn chung, nên anh và các gia đình chưa trồng cacao không có thông tin gì về cây cacao, bán cho ai, như thế nào. Trong khi đó với các loại cây khác như cà phê, ngô, sắn... bà con biết rất rõ, và có xe vào tận nơi thu mua. Ở xã Yang Tao có 3 địa chỉ lên men, nơi bà con bán trái cacao tươi, nhưng nhiều người hàng xóm cũng không hề hay biết đó là chỗ “đầu ra” trực tiếp ở gần họ. Cũng chỉ những đầu mối lên men nắm được số điện thoại liên hệ của các đại lý thu mua, và là những người nắm rõ giá cả hàng ngày vì Công ty Cargill và Cao nguyên xanh hàng ngày nhắn tin báo giá. Tất cả các đại lý cấp 1 của Cargill đều có chính sách thưởng cho các cơ sở thu mua và lên men hạt cacao. Thông thường, Cargill đề ra mức thưởng tối thiểu 1.600 đ/kg đối với các sản phẩm có chất lượng tốt. Nhưng việc áp dụng chính sách thưởng trên thực tế vẫn có sự khác biệt nhất định ở mỗi đại lý. Điều này thì người dân hoàn toàn không biết.

Thông tin về cây cacao chủ yếu một chiều qua con đường dự án và câu lạc bộ do dự án cây cacao của Mỹ (Success Alliance với sự hỗ trợ của USAIDS, Adivoca) có kết hợp với khuyến nông tỉnh tổ chức, nên những ban ngành không liên quan nhiều (hội phụ nữ, ban dân vận, hội nông dân...) thường không được mời để tham gia vào qui trình phổ biến thông tin. Công ty Cargill có kết hợp với đài truyền hình Đắk Lắk làm các chương trình vào bản tin 24h giới thiệu về cây cacao và kỹ thuật trồng cacao, tuy nhiên ngoài các đầu mối cacao ở địa bàn, số đông người dân không biết và không xem.

Rào cản lớn nhất là thông tin liên quan đến chính sách cụ thể đầu vào và đầu ra của cây cacao. Hiện tại mới chỉ có một số xã trồng cây cacao theo dự án, nhiều gia đình chưa có thu hoạch nên họ càng cảm thấy mù mờ về đầu ra của loại cây trồng này. Việc chưa yên tâm về đầu ra cũng được nhiều cán bộ huyện chia sẻ và vì vậy, sự thiếu hụt thông tin về đầu ra là một trong những yếu tố khiến cho cây cacao chưa tạo được niềm tin cho cả người dân lẫn cán bộ. Một cán bộ Phòng dân tộc tộc bạch: *“Trở ngại lớn nhất để phát triển cây cacao ở đây là đầu ra. Phải tạo cho người dân niềm tin rõ ràng về đầu ra. Cây lúa, cây ngô trồng ra không bán được còn có thể dùng để ăn. Trồng cacao mà không có ai mua thì chỉ có vứt”*. Một cán bộ tỉnh Đắk Lắk nhận xét *“người dân hiểu rất rõ về cây cà phê, giống nào thì tốt, cách thức trồng,*

chăm sóc ra sao, cây bị bệnh gì, xử lý như thế nào... nhưng cả cán bộ và người dân đều vẫn rất mơ hồ về cây cacao”. Có cán bộ khẳng định rằng các công ty chỉ thu mua thô chưa qua lên men để có thêm lợi nhuận. Thế nhưng trên thực tế, công ty Cargill thông báo rằng họ chỉ mua cacao đã lên men rồi. Công ty Cao Nguyên Xanh, đại lý cấp 1 của Cargill cũng chỉ mua một số ít trái tươi để lên men thử nghiệm, chứ không mua đại trà trái cacao chưa qua lên men.

4.3. Thị trường thiếu ổn định

4.3.1 Thị trường cây giống: Hiện tại, ở Đắk Lắk đang có 4 đơn vị cung ứng cây giống cacao: Công ty Giống cây trồng tỉnh Đắk Lắk, Công ty Cao Nguyên Xanh, Viện Khoa học kinh tế Nông-Lâm nghiệp Tây Nguyên và các hộ kinh doanh cây giống, với khả năng cung cấp 2.000.000 cây ghép/năm. Phần lớn cacao giống ở huyện Lắk hiện nay đều đã được cấp phát miễn phí trong khuôn khổ dự án SA, nhưng chi phí cho cây giống vẫn được hướng dẫn cho người dân tính vào hạch toán. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy *giá cả cacao giống rất không ổn định*, do lệ thuộc vào cung đường vận chuyển và khả năng cung cấp kịp thời của các tổng đại lý. Tại Yang Tao, có lúc người dân phải mua cacao giống với giá 9.000 đồng/cây. Nhưng ở Đắk Phoi, xã có cung đường vận chuyển xa hơn, giá cacao giống có lúc hạ xuống chỉ còn 6.500 đồng/cây. Điều này cũng lệ thuộc vào mức độ trời sục trong quan hệ cung cầu giữa người trồng cacao và các cơ sở cung cấp giống.

Theo đánh giá của ông Nguyễn Xuân Diệp, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh Đắk Lắk, nhiều cơ sở kinh doanh cây giống cacao trong tỉnh còn dè dặt vì thị trường chưa phát triển, chủ yếu dựa vào các dự án đã và đang được thực hiện bởi sự tài trợ từ bên ngoài, chưa có thị trường nội sinh. Trong bối cảnh hiện nay, Cao Nguyên Xanh đang chiếm tới 70% thị phần trên thị trường cây cacao giống. Chất lượng cây giống của các hộ kinh doanh cây giống nhỏ lẻ thường tốt, nhưng quy mô sản xuất của các hộ kinh doanh cây giống thường nhỏ, sản phẩm đầu ra không nhiều, và các hộ kinh doanh cây giống nhỏ lẻ không có các điều kiện hỗ trợ kỹ thuật tốt như các công ty lớn. Vì vậy, thị trường cacao khá nhỏ có thể dẫn đến sự độc quyền tự nhiên của công ty kinh doanh.

Cũng cần nói thêm rằng, các công ty cung cấp giống cacao hiện nay đều đang thực hiện theo đơn đặt hàng của dự án SA, với điều kiện họ phải hỗ trợ cho nông dân thông qua các chương trình tập huấn chuyển giao kỹ thuật. Nhưng trên thực tế, tất cả các hộ dân trồng cacao đều không nhận được bất cứ sự hỗ trợ nào của các đơn vị cung cấp giống. Kỹ thuật mà người dân có được chủ yếu thông qua hệ thống tập huấn viên của NLU. Đơn vị này nhận được sự bảo trợ trực tiếp của SA chứ không phải của các đơn vị cung cấp cây giống.

4.3.2 Thị trường sản phẩm: Về thị trường đầu ra, theo đánh giá của các nhà quản lý ở địa phương, giá cả cacao trên thế giới hiện nay là khá cao so với 10 năm qua nhưng cũng có sự dao động mạnh. Nghiên cứu của Agrifood Consulting International (2008) cho biết trong lịch sử giá cacao đã từng biến động rất mạnh. Sau thời kỳ bùng nổ của cacao vào cuối những năm 1970 tới giữa những năm 1980, giá cacao đã suy giảm trong suốt những năm 1990 và ở mức thấp lịch sử (theo giá thực tế) vào tháng 12 năm 2000.²⁸ Từ năm 2001 giá cả đã hồi phục và năm 2008 ở mức đỉnh mới là USD 2.690/tấn.

Tuy nhiên, bức tranh thị trường đầu ra sản phẩm cacao ở Đắk Lắk không hoàn toàn lạc quan. Người dân ở Yang Tao và Đắk Phoi cho biết, đối với các loại cây trồng khác như cà phê, điều, ngô, sắn, vào mùa thu hoạch, những người thu mua đến tận nhà chờ đi. Trái lại, cacao do không chín cùng lúc nên người dân phải tự mang đến điểm thu mua. Khi điểm thu mua đóng

²⁸ Theo báo cáo của Agrifood Consulting International, tháng 12 năm 2000 giá danh nghĩa đạt USD 801/tấn (giá thực tế là USD 462/tấn (đồng Đô la Mỹ giảm giá do Chỉ số giá tiêu dùng CPI của Mỹ).

cửa, cacao đã thu hoạch có thể phải bỏ đi. Hiện trạng này không chỉ gây lãng phí thời gian mà còn khiến nông dân bị thất thu. Việc thị trường cacao chưa hình thành rõ ràng, ổn định cũng là một trong những yếu tố khiến người dân chưa thể có niềm tin vào loại cây này.

Những hộ dân thu mua để lên men tưởng như là những người có lợi trong chuỗi cacao. Tuy nhiên các hộ lên men thường thu mua lại trái tươi với giá 3000-4000đ/kg, và cứ khoảng 12-14 kg tươi được 1 kg hạt khô. Với giá thu mua 45-47.000/kg hạt khô chất lượng tốt thì những người lên men không thể có lãi, mà chủ yếu dựa vào tiền thưởng của các công ty thu mua nếu cacao hạt đạt chất lượng tốt. Như vậy, các nhà doanh nghiệp xuất khẩu cacao đang đẩy hết rủi ro trong chuỗi cacao cho người trồng và người lên men bởi công ty chỉ thu mua hạt đã lên men và đạt đủ tiêu chí cần thiết.

Mặt khác, trong khuôn khổ thị trường đầu ra của cacao hạt cho đến thời điểm này, Cargill cũng là một tổ chức lớn nhất. Cargill Việt Nam bắt đầu kinh doanh (thu mua và xuất khẩu) cacao từ năm 2005 do hoạt động kinh doanh cà phê bị ảnh hưởng do chất lượng không đảm bảo. Tuy nhiên, đối với Cargill Việt Nam, kinh doanh cacao chỉ là phần kinh doanh phụ, kinh doanh thức ăn gia súc mới là chính.²⁹ Năm 2005, Cargill Việt Nam có một số hoạt động nhằm tăng diện tích trồng cacao và tăng sản lượng thu mua như hỗ trợ làm vườn cacao thử nghiệm (*demo farm*). Theo đánh giá, sản lượng cacao tại Việt Nam hiện nay là 1.700 tấn mỗi năm, trong đó Cargill chiếm 70% thị trường, ngoài ra còn 2-3 doanh nghiệp khác.³⁰ Từ tháng 5/2011 trở về trước, Cargill Việt Nam còn thu mua lẻ của người dân, nhưng từ tháng 6/2011, họ không mua lẻ nữa mà chỉ mua của các pháp nhân (các đơn vị bán hàng cho Cargill phải xuất hóa đơn đỏ). Chính sách thị trường của Cargill khá ngặt nghèo. Cargill chỉ mua hạt cacao sau khi sơ chế (lên men, phơi/sấy khô), khác với Indonesia là mua hạt tươi, không lên men. Khi được hỏi về sự vững chãi lâu dài của công ty trong thị trường cacao, một cán bộ cho biết, với tiêu chí đạt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu (theo yêu cầu của hệ thống đánh giá UTZ) quan điểm của Cargill đối với cacao Việt Nam là “Cargill chỉ còn có mặt trong thị trường chừng nào cacao còn đảm bảo chất lượng”. Điều đó cũng có nghĩa người nông dân trồng cacao sẽ vẫn tiếp tục lo lắng về sản phẩm đầu ra của mình.

III. VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Nhà nước và các chính sách phát triển cacao

Ở cấp quốc gia, chủ trương phát triển cacao trên cả nước được nêu ra từ năm 1998, nhưng trên thực tế, đến năm 2005 Ban Điều phối cacao Việt Nam (VCCC) mới được thành lập. Theo quy định về cơ cấu tổ chức, Ban Điều phối không có vai trò chỉ đạo mà chỉ là đầu mối quan hệ của các bên liên quan đến cây cacao. Một trong những nhiệm vụ quan trọng và rất có ý nghĩa của VCCC là tư vấn cho Bộ NN&PTNT để ban hành các quyết định về cây cacao. Với quy định về chức năng và nhiệm vụ như hiện nay, VCCC chưa đủ mạnh để có thể đóng vai trò thúc đẩy một ngành sản xuất phát triển. Sự chậm trễ trong việc hình thành một bộ máy điều hành khiến cho những kế hoạch phát triển cacao không thể thực hiện.³¹ Đến cuối năm 2007, chỉ có khoảng 10% chỉ tiêu về diện tích canh tác cacao đạt được, và chủ yếu là do những đóng góp của dự án

²⁹ Phòng vấn cán bộ thu mua của Cargill cho biết sản lượng cacao hạt được Cargill Việt Nam thu mua tại Đắk Lắk và Đắk Nông năm 2009 khoảng 650 tấn, năm 2010 khoảng 700 tấn, kế hoạch 2011-2012 là 1,000 tấn (trong tổng số dự tính là 1,300 tấn).

³⁰ Thực tế là sự cạnh tranh khốc liệt đã đẩy các công ty nhỏ trong kinh doanh thu mua cacao đến chỗ phá sản.

³¹ Năm 1998, chỉ tiêu được đề ra cho năm 2010 là 80,000 ha diện tích canh tác tại 4 khu vực (duyên hải Nam Trung bộ: 13,000ha, Tây Nguyên: 28,500 ha, miền Đông Nam bộ: 20,500 ha và đồng bằng sông Cửu Long: 18,000 ha).

do nước ngoài tài trợ (Dự án Success Alliance), chứ chưa phải là kết quả từ những chương trình và đầu tư từ phía Nhà nước.

Trong Quyết định số 2678/2007/QĐ-BNN-KH (2007), có 2 mốc được vạch ra cho ngành cacao Việt Nam: i) Tới năm 2015, diện tích canh tác cacao sẽ đạt 60.000 ha, trong đó 35.000 ha cho thu hoạch với năng suất trung bình đạt 1.5 tấn/ha và tổng sản lượng là 52,000 tấn hạt cacao khô, tương ứng với giá trị xuất khẩu từ 50-60 triệu USD; ii) Tới năm 2020, diện tích canh tác cacao sẽ đạt 80.000 ha, trong đó 60.000 ha cho thu hoạch với năng suất trung bình đạt 1,8 tấn/ha và tổng sản lượng đạt 108.000 tấn hạt, tương đương với giá trị xuất khẩu từ 100-120 triệu USD. Tuy nhiên, các chuyên gia tất cả đều đồng ý với kết luận rằng: hiện còn thiếu những chính sách rõ ràng cho việc phát triển cacao.

Những thất bại của cây cacao tại Việt Nam trong quá khứ được giải thích theo nhiều cách khác nhau, một phần là do thiếu sự liên kết với thị trường thế giới, một phần là do thiếu những điều kiện ổn định (ví dụ như thời kỳ chiến tranh chống Mỹ), và một phần là do việc quản lý yếu kém (như là thiếu kinh nghiệm trong việc xây dựng nhà máy chế biến tại Quảng Ngãi trong những năm 1990). Nhưng điều quan trọng hơn, những bài học trong quá khứ cho thấy rằng việc đề ra các chỉ tiêu mà không có sự chuẩn bị những kế hoạch đầu tư cụ thể, việc ban hành các chính sách và xây dựng các kế hoạch cấp tỉnh, nâng cao năng lực và phân bổ nguồn nhân lực, cơ sở dữ liệu/thông tin vững chắc (thống kê, theo dõi giám sát, nghiên cứu), và thiếu sự hiểu biết về động cơ của người nông dân và thị trường thì có xu hướng dẫn đến sự thất bại và không đạt được các chỉ tiêu đề ra.³²

Ở cấp địa phương, năm 2002, đề án phát triển 10.000ha cacao đến năm 2010 được UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) phê duyệt. Sau 8 năm thực hiện, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk mới (được quy hoạch 6.000ha), chỉ có khoảng 2.000ha cacao được trồng; hơn 30% diện tích trong số đó thuộc về các công ty cà phê, hơn 25% diện tích được phát triển trong khuôn khổ dự án SA. Riêng tại huyện Lắk, toàn bộ diện tích cacao được trồng trong những năm trước 2007 không còn giữ vai trò gì trong kinh tế nông hộ; toàn bộ diện tích 205 ha cacao được phát triển mới đây đều thuộc về dự án SA, không có bất kỳ diện tích cacao nào được phát triển trong khuôn khổ dự án 10.000ha của tỉnh.

Bài học để lại cho huyện Lắk những năm cuối thập niên 80 của thế kỷ trước là vấn đề thị trường đầu ra. Lúc đó, huyện chỉ tính đến chuyện phát triển diện tích trồng cacao chứ không tính đến việc có bán được sản phẩm hay không. Giai đoạn đầu thời kỳ Đổi mới, Việt Nam chưa có các bạn hàng nước ngoài, hạt cacao không biết xuất khẩu đi đâu. Sự phá sản của cây cacao thế hệ này đã là điều không tránh khỏi. Đối với giai đoạn hiện nay, tình trạng trì trệ bắt nguồn từ chính sự thiếu đồng bộ trong hệ thống chính sách của tỉnh.³³ Mặc dù đề án cacao được phê duyệt nhưng các chỉ tiêu liên quan đến cacao đã không được đưa vào kế hoạch hàng năm của tỉnh cũng như của các huyện/xã. Trong bộ chỉ số thống kê của tỉnh Đắk Lắk và các xã của huyện Lắk đều không có chỉ tiêu/chỉ số về diện tích, sản lượng và đóng góp của cây cacao trong nền kinh tế địa phương. Cacao là cây trồng mà giai đoạn đầu đòi hỏi phải có sự tập trung

³² Agrifood Consulting International (2008), *tài liệu đã dẫn*.

³³ Về nguyên tắc, sau khi phê duyệt đề án phát triển cacao, tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở/Ban/Ngành và các địa phương cấp dưới trong tỉnh lập kế hoạch định hướng và kế hoạch hành động, với các chỉ tiêu/chỉ số cụ thể. Gắn với các kế hoạch đó là kế hoạch phân bổ ngân sách thực hiện. Ngay cả khi đã có kế hoạch hành động, cũng cần có sự cải cách trong chính sách tín dụng theo hướng tăng lượng vốn vay và thời hạn vay vốn. Với quy định về tín dụng trung hạn như hiện nay, người dân - nhất là các hộ nghèo và người dân tộc thiểu số tại chỗ - khó có thể tham gia vào sản xuất cacao.

các nguồn lực, kể cả nhân lực, vật lực và tài lực. Nếu chủ trương của tỉnh không được cụ thể hóa trong các hình thức kế hoạch, đương nhiên không thể nói đến tính khả thi.

Cũng cần nói thêm rằng, định hướng quy hoạch vùng để phát triển cây cacao của tỉnh Đắk Lắk hầu hết nằm ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, trên các nền đất không phù hợp cho việc trồng cà phê. Điều này cho thấy, về mặt quy hoạch, cacao được xếp hạng thấp, không có tính ưu tiên. Đây cũng chính là vùng có tỷ lệ nghèo đói cao và vì thế, việc huy động sự tham gia của người dân gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, phát triển cây cacao đòi hỏi phải có quỹ đất nhất định. Nhiều diện tích đất có thể trồng được cacao hiện vẫn nằm trong sự quản lý của các nông-lâm trường quốc doanh. Nhiều đơn vị trong số đó làm ăn thua lỗ kéo dài, nhưng việc giải thể gặp khó khăn. Điều đó cũng đồng nghĩa tình trạng khó huy động nguồn lực đất đai cho sản xuất cacao. Bên cạnh đó, còn có những vấn đề trong nguồn nhân lực phát triển cacao. Theo một cán bộ Trung tâm Khuyến nông tỉnh, mạng lưới khuyến nông và bảo vệ thực vật của tỉnh Đắk Lắk hiện có số lượng hạn chế nhưng lại phải phụ trách trên địa bàn rộng với nhiều đối tượng cây trồng khác nhau. Về mặt chuyên môn, đội ngũ nhân lực đó lại thuộc nhiều phân ngành nông nghiệp khác nhau. Cacao là cây trồng mới, hầu hết các cán bộ khuyến nông đều thiếu kiến thức về kỹ thuật canh tác.

Chính vì có những mâu thuẫn trong chính sách định hướng, các cơ quan ban ngành Đắk Lắk cũng không thực sự hào hứng lắm với cây cacao. Mặc khác kết quả phỏng vấn sâu các cán bộ ở xã, huyện và tỉnh cho thấy, bản thân nhiều cán bộ cũng chưa thấy bị thuyết phục bởi tiềm năng giá trị kinh tế của cây cacao nên sự dè dặt trong triển khai dự án cũng là điều dễ hiểu. Hiện nay chưa có hiệp hội nào chuyên về cacao (chỉ có hiệp hội Cà phê - Cacao). Tại địa bàn nghiên cứu, các xã Yang Tao và Đắk Phơi cũng chưa có sự quan tâm nhiều đến cacao. Báo cáo chiến lược của xã vẫn đặt trọng tâm vào các cây ngắn ngày như ngô, lúa..., đảm bảo an toàn về lương thực cho người dân.

2. Vai trò của các tổ chức tư nhân

Các tổ chức tư nhân (đặc biệt là các tổ chức tư nhân quốc tế) có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển sản xuất cacao tại Việt Nam. Sự quan tâm của các đối tác chủ chốt thuộc khu vực tư nhân trong ngành sản xuất cacao quốc tế đối với thị trường nước ta có thể được tính từ thời điểm các chuyên gia của Mars Incorporated có chuyên công tác đầu tiên tới Việt Nam vào năm 1993.³⁴ Trong chuyên công tác này, các chuyên gia của Mars Incorporated đã chỉ ra cho Bộ NN&PTNT thấy rằng, ngành sản xuất cacao có tiềm năng tương đối lớn tại Việt Nam. Từ đó tới nay, Mars Incorporated đã có một số đóng góp cho sự phát triển cacao tại Việt Nam: Công ty đã hỗ trợ đưa các dòng vô tính mới từ Costa Rica vào Việt Nam; hỗ trợ nghiên cứu (đặc biệt là hỗ trợ trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh) và thành lập các mô hình trạm nghiên cứu tại hiện trường trong thời gian từ năm 1997 tới năm 2003 ở nhiều địa phương, trong đó có tỉnh Đắk Nông và Đắk Lắk hiện nay.

Trong những năm qua, nhiều hoạt động liên quan đến cacao vẫn được tiếp tục triển khai bởi các đối tác tư nhân đến từ bên ngoài: hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu và khuyến nông, nâng cao năng lực thông qua tập huấn, hội thảo và các hoạt động nghiên cứu cho các nhà khoa học, hỗ trợ đầu vào (như cây giống), hỗ trợ mô hình nông lâm kết hợp (như SCAS và HFA), và phối kết hợp giữa các nhà khoa học và chuyên gia quốc tế với các đồng nghiệp đối tác Việt Nam. Những đối tượng chính theo thứ tự quan trọng (đánh giá dựa trên sự đóng góp) là Mars Incorporated, Cargill, EDF Man, Touton và Nestle. Dự kiến, trong tương lai sẽ có sự tham gia của một số cộng đồng khác như Ritter Sport và Mitshubishi Foods. Việc hình thành và duy trì một chương trình đối tác giữa khu vực nhà nước - khu vực tư nhân là một trong những cơ sở

³⁴ www.mars.com/global/home.htm

ơ bản để chính phủ Hà Lan tài trợ nguồn vốn và thực hiện đợt nghiên cứu hiện nay. Ban điều phối cacao hiện nay cũng bao gồm các thành viên từ khu vực tư nhân như Mars Incorporated, WCF, Cargill, và EDF Man.

Doanh nghiệp cung ứng đầu vào: Các doanh nghiệp cung ứng đầu vào cho sản xuất cây cacao còn ít và chưa thực sự có chiến lược thị trường (do chưa nhận được các tín hiệu tin cậy từ chính sách nhà nước). Các công ty về cây giống ở Đắk Lắk đều có chủ trương chỉ mở các lớp tập huấn cho các khách hàng lớn. Các khách hàng này trồng nhiều cây trên diện tích lớn nên phải tập huấn thường xuyên vì họ thuê lao động, nếu không tham gia ngay từ đầu, bỏ qua một số kỹ thuật thì cây trồng sẽ chết. Hầu hết các nhà cung cấp giống cacao đều không hướng đến các khách hàng lẻ và không có chính sách hỗ trợ kỹ thuật cho đối tượng này. Một cán bộ doanh nghiệp giải thích: “vì họ là người bỏ tiền ra đầu tư mua cây giống, họ sẽ cố chăm sóc để hái quả, doanh nghiệp không cần phải có chính sách hỗ trợ kỹ thuật”.

Đối với khách hàng là các chương trình/dự án, các doanh nghiệp áp dụng quy trình bán giống: i) làm việc với thôn hoặc hội nông dân; ii) tổ chức hội thảo, hướng dẫn kỹ thuật; iii) hướng dẫn nông dân đăng ký mua giống và nhận tiền đặt cọc 50%; iv) tiếp tục tập huấn kỹ thuật; v) yêu cầu người dân phải đóng 100% tiền cây giống; vi) chờ giống xuống giao cho nông dân. Đây là một cách doanh nghiệp đối phó với rủi ro trước nỗi lo rằng sẽ không đòi được nợ của nông dân. Tuy nhiên cách thu tiền trước này lại có thể làm tăng rủi ro và chi phí cho người dân. Điều đáng nói là các công ty hầu như không có chính sách hậu mãi. Khi cây giống đã được giao cho người dân, công ty hầu như hết trách nhiệm. Trong điều kiện khí hậu Đắk Lắk (nắng/gió nhiều), tỷ lệ cacao mới trồng bị chết khá cao. Rủi ro này khiến người nông dân càng thêm ngại.

Mặt khác, trao đổi với cán bộ và người dân địa phương, nhóm nghiên cứu còn ghi nhận được những tâm trạng băn khoăn:

“Ngại nhất là các chương trình hỗ trợ giảm nghèo như 135, 30A, chương trình cây con, vì đó thường là các hoạt động giải ngân. Một mặt họ mua các cây giống chất lượng thấp vì họ muốn mua nhiều với giá rẻ. Mặt khác, họ mua vào thời điểm phải giải ngân, như cuối năm chẳng hạn, thì đây lại không phải là thời điểm tốt để trồng cây nên dù có tập huấn kỹ thuật thì cây trồng cũng sẽ vẫn chết nhiều. Đánh rằng, cây chết là do ngoại cảnh chứ không phải do cấp giống, nhưng nếu bên doanh nghiệp có chính sách khuyến khích thì chắc bà con tham gia cũng nhiệt tình hơn.”

Về vấn đề này, các doanh nghiệp cho rằng: “Không nên phát không cây giống vì làm méo mó thị trường, tâm lý được cho không nên không chăm sóc, mọc được thì mọc, không thì thôi, lại đợt lần sau được cho.” Cho dù đó là lập luận có sức thuyết phục trong bối cảnh kinh tế thị trường, điều đó cũng không có nghĩa rằng, việc xây dựng chính sách hậu mãi để khuyến khích người mua là không cần thiết. Lợi ích từ các tri thức kỹ thuật là cần thiết, nhưng vô hình; còn lợi ích từ chính sách hậu mãi lại hữu hình và dễ thuyết phục người dân hơn.

Doanh nghiệp thu mua đầu ra: Trong thời gian 2004-2006, Cargill và Mars Incorporated đã phối hợp trong chương trình hợp tác với các thị trường gắn kết (PSOM) nhằm chuyên nghiệp hoá thương mại trong chuỗi giá trị cacao, đưa ra các phương pháp giao dịch, thông số/chỉ số chất lượng, các thiết bị và kỹ năng kiểm tra phù hợp. Từ năm 2003 tới năm 2004, ED&F MAN đã bắt đầu phân phối cây giống cho nông dân và trở thành nhà thu mua quốc tế đầu tiên cung cấp thị trường cho cacao do người nông dân sản xuất. Các công ty khác cũng đã làm theo cách này. Công ty Cargill đã đầu tư vào các trạm thu mua tại Bến Tre và Đắk Lắk từ năm 2005 và hiện nay là nhà thu mua hạt cacao lớn nhất tại Việt Nam. Các nhà thu mua quốc tế khác bao gồm Olam, Amajaro, và Mitsubishi cũng đang mua hạt cacao hoặc có kế hoạch thu mua trong thời gian sớm. Công ty Cargill và Mars Incorporated (thông qua công ty Masterfoods) đã có sự hỗ trợ trong các hoạt động khuyến nông, nghiên cứu và phổ biến thông tin/kỹ thuật.

Tuy nhiên, với các quy định thu mua như hiện nay, các doanh nghiệp đảm bảo đầu ra cho hạt cacao đang đặt người nông dân vào tâm trạng chung là lo lắng phấp phỏng bởi họ còn chưa thực sự có niềm tin vào đầu ra của sản phẩm. Việc không thể bán hàng trực tiếp của người dân cho doanh nghiệp, mà phải qua các đại lý thu mua, càng khiến người dân mơ hồ về đầu ra. Tiêu chí về chất lượng trong đầu ra của sản phẩm đặt người dân vào tâm trạng nơm nớp về chất lượng sản phẩm. Có cảm giác qui trình và “chuỗi giá trị cacao” hiện nay mang dáng dấp của một mạng lưới bán hàng đa cấp, trong đó người dân trực tiếp trồng cây cacao là người hứng chịu rủi ro nhiều nhất, bởi phụ thuộc nhiều vào thời tiết, sâu bệnh, bệnh thối trái, kỹ thuật chăm sóc và lên men. Các đại lý thu mua và các công ty thu mua xuất khẩu có mức độ rủi ro thấp nhất.

Trên thực tế, có vẻ như các công ty thu mua là người thúc đẩy chương trình cacao đầu tiên, và các doanh nghiệp cung cấp đầu vào phát triển theo như một hệ quả. Thế nhưng chính sách của các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ đầu vào và đảm bảo thị trường đầu ra của cây cacao chưa thực sự khuyến khích được sự tham gia đồng đẳng của các nông hộ dân tộc thiểu số tại chỗ vào chuỗi giá trị cacao.

3. Sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ và nhà tài trợ quốc tế

Bên cạnh các tổ chức thuộc khu vực tư nhân, việc phát triển cây cacao tại Việt Nam cũng được một số tổ chức phi chính phủ (phi lợi nhuận) quan tâm (như ACDI/VOCA, WWF, Helvetas và Winrock). Trong hơn chục năm qua, các tổ chức này đã tham gia vào các dự án, nghiên cứu, tập huấn và những hoạt động dã ngoại (outreach) nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành sản xuất cacao của Việt Nam, áp dụng các mô hình canh tác nông lâm kết hợp và bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển việc sản xuất cacao hữu cơ và thương mại công bằng. Những tổ chức này có kinh nghiệm đáng kể trong việc quản lý dự án và làm việc với những nông hộ nhỏ. Một số các tổ chức này là thành viên của Ban điều phối cacao (như WWF). Gần đây, Oxfam Novib và iSEE cũng đang cân nhắc khả năng tham gia VCCC.³⁵

Những đóng góp chủ yếu về mặt tài chính cho ngành sản xuất cacao Việt Nam trước đây là từ các nhà tài trợ như quốc tế GTZ, DANIDA và USDA. Hiện tại, các nhà tài trợ chính cho việc phát triển cacao tại Việt Nam gồm có USAID (thông qua SA), AusAID (thông qua MARD), Bộ nông nghiệp Hà Lan và JICA. Vì cây cacao được đánh giá là có vai trò cải thiện đời sống của các nông hộ, tăng cường đa dạng sinh học, áp dụng những hoạt động bền vững và thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp vừa và nhỏ nên trong tương lai, có thể sẽ có thêm sự quan tâm của những nhà tài trợ khác. Đồng thời, tổ chức CECO có thể quan tâm tới việc tài trợ phát triển cacao hữu cơ và thương mại công bằng. Các tổ chức tài chính quốc tế (như WB và ADB) cũng có những đóng góp cho cây cacao thông qua nguồn vốn chọn lựa bên vay (challenge funds) sẽ thực hiện trong những dự án tới về tăng cường khả năng cạnh tranh trong nông nghiệp và dự án Thị trường cho người nghèo Giai đoạn II. Tổ chức IFAD thông qua chiến lược quốc gia mới của mình tập trung vào việc hợp nhất người nghèo vào chuỗi giá trị cũng có thể quan tâm tới sự phát triển của ngành.

Đáng tiếc, trong định hướng phát triển cacao của các tổ chức phi chính phủ và các nhà tài trợ quốc tế, sự tham gia của các tộc người thiểu số tại chỗ chưa được coi là vấn đề trọng tâm. Cũng chưa có đánh giá nào về hiệu quả của các mô hình thử nghiệm, dự án, tập huấn... của các tổ chức NGOs. Đối với người dân nói chung, các câu lạc bộ cacao, các tổ nhóm trồng cacao vẫn như các tổ chức kín dành cho một nhóm nông dân.

³⁵ Nguyễn Việt Khoa, Lê Quang Bình, Lê Bách, Nguyễn Quang Thương (2008): *Report Assessment of opportunity and challenge to join Vietnam Cacao Committee and Public Private Partnership for Oxfam Novib and iSEE.*

4. Vai trò của các cơ quan khoa học

Mặc dù việc nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển cacao nhưng hiện nay đội ngũ cán bộ nghiên cứu và khuyến nông tham gia hoạt động này không nhiều. Các cán bộ thuộc Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ hoặc Viện Khoa học kỹ thuật Nông Lâm Tây Nguyên chỉ tham gia theo từng dự án cụ thể. Chính vì vậy thời gian họ dành cho cacao chỉ là phần nhỏ.

Tại Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh chỉ một nhóm nhỏ cán bộ và kỹ thuật viên thuộc chương trình cacao của trường phải tham gia vào tất cả các lĩnh vực thuộc về cây trồng này, mà người được biết đến nhiều nhất ở huyện Lắc là TS Phạm Hồng Đức Phước. Nhóm cán bộ của TS Phạm Hồng Đức Phước tham gia vào kỹ thuật nhân giống, tuyển chọn giống, kỹ thuật tưới, xây dựng mô hình, thành lập vườn tập đoàn, du nhập và phát triển các dòng cacao mới, quản lý sâu bệnh, thí nghiệm so sánh giống, thí nghiệm lên men, soạn tài liệu giảng dạy, v.v... Cũng trong NLU, Khoa Cơ khí nông nghiệp đã nghiên cứu chế tạo hệ thống máy để chế biến cacao ở quy mô nhỏ; khoa Công nghệ thực phẩm tham gia vào chương trình đánh giá chất lượng cacao bằng cảm quan và chế biến sô cô la. Công ty Mars Incorporated đã giúp trường xây dựng phòng thí nghiệm cảm quan và đào tạo hội đồng thử nếm để hỗ trợ các nghiên cứu về chất lượng hạt. Bộ môn Bảo vệ thực vật nghiên cứu để tìm kiếm phương pháp kiểm soát *Tricoderma*. Do thiếu chuyên ngành cacao nên trường chưa có cán bộ làm việc hoàn toàn cho công việc này.

Ở Viện Khoa học Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên, các hoạt động nghiên cứu lâu nay đều tập trung vào cây cà phê và cũng chỉ có một nhóm nhỏ phụ trách cây cacao nghiên cứu về giống, lên men, quản lý sâu bệnh. Tất cả các cán bộ và kỹ thuật viên này trước đây làm việc trên cây cà phê và gần đây chuyển sang cacao; do đó kiến thức về cacao vẫn còn hạn chế và đây là thiếu sót rất nghiêm trọng để phát triển tiềm năng về cacao ở Tây Nguyên nói chung, Đắk Lắk và huyện Lắc nói riêng. Giới hạn này đã được nhìn nhận từ chính quyền địa phương và cả bản thân người nghiên cứu.

Ngoài 2 cơ sở khoa học trên đây, một vài tổ chức khoa học khác cũng tham gia vào quá trình nghiên cứu phát triển cây cacao. Trong thời gian từ 2007 đến 2009, trường Đại học Cần Thơ cũng tham gia vào chương trình/dự án "*Lên men, phơi và đánh giá chất lượng cacao ở Việt Nam*" được tài trợ bởi chính phủ Úc. Phân viện Nghiên cứu Lâm nghiệp đang quản lý mô hình canh tác cacao bền vững trong hệ thống nông lâm kết hợp tài trợ bởi công ty Mars Incorporated.

Trong việc phát triển cây cacao ở Việt Nam, hiện nay đã nhìn thấy nguy cơ của sự mất cân đối giữa nguồn nhân lực và kinh phí nghiên cứu. Dự án SA - vốn được đánh giá là thành công ở đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên - đã kết thúc trong khi chưa có một chương trình nghiên cứu cụ thể nào cho cacao. Viện Khoa học Kỹ thuật Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên là cơ quan được bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chính thức giao nhiệm vụ nghiên cứu và hàng năm nhận kinh phí từ bộ cho nhiệm vụ này, tuy nhiên kinh phí cho nghiên cứu này cũng rất khiêm tốn. Ngoài ra, Ban Điều phối Chương trình Phát triển Cacao Việt Nam giao nhiệm vụ nghiên cứu và huấn luyện kỹ thuật cho ĐHNL và WASI nhưng hoàn toàn không có kinh phí hoặc chương trình cụ thể. Với mục tiêu tham vọng phát triển cacao lên 80,000ha vào năm 2020, đây sẽ là một thách thức rất lớn.

Mặt khác, như trong phần Mở đầu chúng tôi đã đề cập, hầu hết các nghiên cứu đã được thực hiện liên quan đến cây cacao đều chủ yếu tập trung vào các vấn đề kỹ thuật, hiệu quả kinh tế, tính khả thi, tính phù hợp và các yếu tố xã hội chung. Cho đến nay, chưa có bất cứ nhóm nghiên cứu nào đề cập đến câu chuyện phát triển cây cacao ở khu vực đồng bào thiểu số tại

chỗ. Tây Nguyên và Tây Nam bộ đều là những khu vực nhạy cảm tộc người. Việc nghiên cứu tác động của cây cacao dưới góc độ nhân học văn hóa - xã hội là điều hết sức cần thiết.

IV. KẾT LUẬN

1. Nhìn lại khung phân tích với 5 tiêu chí được đưa ra ở phần đầu báo cáo: i) Có được người dân coi là có giá trị vượt trội hơn so với những thực hành đã và đang tồn tại; ii) có sự tương thích với hệ thống văn hoá bản địa; iii) đủ đơn giản để hiểu và thực hành; iv) có khả năng kiểm chứng được thông qua thực hành; và v) có lợi ích rõ ràng, có thể thấy việc trồng cây cacao ở huyện Lắk đang đặt ra nhiều vấn đề cần suy ngẫm.

2. Cây cacao được du nhập vào huyện Lắk bắt đầu từ những năm 1980, nhưng chỉ thực sự được chú ý từ những năm 2000. Các phân tích về số liệu kỹ thuật và kinh tế cho thấy lợi ích kinh tế của cacao không vượt trội hơn các cây công nghiệp sẵn có như café, điều, cao su, và càng không thể thay thế các cây lương thực ngắn ngày. Tuy vậy những vùng đất mà cafe không còn thu được hiệu quả cao, hay ở những nơi có các loại cây công nghiệp khác cần trồng thưa, thì trồng cacao có thể là một sự thay thế hay trồng xen hợp lý.

3. Phương thức canh tác của cacao chưa hoàn toàn tương thích với cách sống và canh tác của người dân. Cây cacao bị xem như cây “con mọn”, đòi hỏi nhiều công đoạn chăm sóc tỉ mỉ mang tính cá nhân, khác với phương thức canh tác *đổi công* vốn phổ biến trong đời sống sinh kế của người dân M’Nông. Người dân không tận dụng được mạng xã hội trong việc chia sẻ lao động cũng như củng cố mối quan hệ cộng đồng. Mặt khác, việc thu hoạch “lai rai” và do đó thu nhập cũng “lai rai” khiến người dân không thể tích lũy và trả nợ vốn vay, do đó cũng không đủ hấp dẫn và trở thành động lực để người dân gắn bó với cây cacao.

4. Với các công đoạn kỹ thuật chăm sóc và canh tác khá kỹ, đòi hỏi sự tập trung cao và sự gắn kết cả thời gian và tâm sức, cây cacao được đánh giá là loại cây trồng mới, khó và phức tạp đối với người nông dân. Hơn nữa, những trải nghiệm thất bại trong quá khứ đối với cây cacao cũng như một số loại cây trồng khác khiến người dân trở nên thận trọng hơn trong việc phát triển cây cacao. Đặc biệt sự thiếu thông tin và nhiễu thông tin, đặc biệt là thông tin về “đầu ra” của sản phẩm đã khiến cả cán bộ cũng như người dân chưa tìm thấy niềm tin ở loại cây trồng mới này.

5. Với những lợi ích kinh tế không rõ ràng và ưu việt hơn các loại cây trồng sẵn có, với chi phí khá lớn để trồng, chăm sóc và chế biến, và đồng thời với tính rủi ro cao về sâu bệnh và thời tiết, cây cacao không phải loại cây dành cho người nghèo, và không nên xem là loại cây xóa đói giảm nghèo. Cây cacao phù hợp là một cây công nghiệp thứ cấp hơn là cây ưu tiên đầu tiên.

V. MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

1. Chính sách của TW và địa phương

Tại Việt Nam, hiện có hai cách nhìn nhận về triển vọng phát triển ca cao. Một bên có cái nhìn lạc quan về ngành sản xuất ca cao, có sự tin tưởng rằng ngành sản xuất ca cao sẽ phát triển nhanh chóng và sẽ đạt được các chỉ tiêu phát triển của Chính phủ. Bên kia có cái nhìn thận trọng hơn do trước đây đã từng có những thất bại trong nỗ lực phát triển ngành sản xuất ca cao. Nhưng cả hai cách nhìn đều xem việc mở rộng sản xuất ca cao là khả thi và nên làm với điều kiện các chính sách, kế hoạch và đầu tư phù hợp nhằm cải thiện đời sống người dân vùng nông thôn và cải thiện môi trường.

Về căn bản, cả hai bên đều thống nhất rằng cần phải có một chiến lược cho ngành sản xuất ca cao và thừa nhận một thực tế rằng hiện nay chúng ta chưa có được một chiến lược như vậy. Trong bối cảnh chưa có chiến lược ngành, sự tăng trưởng nhanh chóng đạt được trong một số năm vừa qua sẽ không tiếp tục và ngành sản xuất ca cao sẽ vẫn còn rất nhỏ bé. Sự phát triển nhanh chóng trong những năm qua đạt được chủ yếu là thông qua các nguồn đầu tư từ các nhà tài trợ và từ các nhà đầu tư tư nhân nước ngoài. Việt Nam sẽ rất khó đạt được các chỉ tiêu phát triển trừ khi Chính phủ có những cam kết về các khoản đầu tư cho ngành sản xuất ca cao tại Việt Nam.³⁶

Tháng 3 năm 2005, Bộ NN&PTNT đã thành lập Ban điều phối ca cao Việt Nam (VCCC) nhằm hỗ trợ việc xây dựng các chính sách liên quan tới ngành sản xuất ca cao. Thành viên của VCCC bao gồm các cơ quan chủ chốt của Bộ NN&PTNT, khu vực tư nhân và các tổ chức nghiên cứu. VCCC đã hỗ trợ xây dựng Quyết định 2678/2007/QĐ-BNN-KH ngày 14/9/2007 của Bộ NN&PTNT với mục tiêu là đạt 60,000 ha ca cao vào năm 2015 và 80,000 ha vào năm 2020. Ở cấp địa phương, các tỉnh thuộc các khu vực trồng ca cao cũng đang xây dựng kế hoạch và hỗ trợ nông dân trồng ca cao. Các tiêu chuẩn cho cây ca cao cũng đã được xây dựng trong năm 2006 và 8 dòng vô tính (TD1, TD2, TD3, TD5, TD6, TD8, TD10 và TD14) đã được phê duyệt trong năm 2005.

Tại Đắk Lắk, nhiều nghiên cứu đưa ra nhận định rằng, đây là địa phương có nhiều lợi thế về tự nhiên và xã hội để phát triển cây ca cao. Theo một tính toán, Đắk Lắk có tới 185,000ha đất trồng có tiềm năng phát triển ca cao. Để khắc phục tình trạng “quy hoạch treo” của Đề án phát triển 10,000ha ca cao năm 2002, tháng 9/2011, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã xây dựng và đệ trình UBND Tỉnh Đề án Phát triển cây ca cao đến năm 2015. Bản Đề án này đã phân tích tất cả các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với sự phát triển của cây ca cao tại địa phương. Đặc biệt, trong bản Đề án mới, những bài học thất bại của Đề án cũ đã được phân tích/cân nhắc để đề ra các giải pháp khắc phục.

Vấn đề đặt ra là: Tỉnh cần có biện pháp quy hoạch lại đất đai để khắc phục tình trạng manh mún và người dân có nhiều đất sản xuất hơn; công tác quy hoạch phải gắn với việc triển khai thực hiện, tránh tình trạng quy hoạch treo; gắn chủ trương chung với kế hoạch định hướng, kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách...

2. Khắc phục tình trạng độc quyền thị trường hiện nay

Theo đánh giá của Trung tâm Khuyến nông tỉnh Đắk Lắk, thị trường tiêu thụ sản phẩm ca cao luôn có mức cầu cao hơn cung. Hiện tại, việc thu mua ca cao không chỉ nhằm xuất khẩu mà còn cung cấp cho các cơ sở sản xuất bột ca cao trong nước. Giá cả và sự hiện diện của mạng lưới gia tăng nhà thu mua là một trong những điều kiện cơ bản để thúc đẩy người dân tham gia

³⁶ Agrifood Consulting International (2008), tài liệu đã dẫn.

vào sản xuất ca cao. Tuy nhiên, chính sách thị trường của các doanh nghiệp kinh doanh ca cao ở Đắk Lắk hiện nay chưa hoàn toàn hấp dẫn người dân.

Đối với thị trường đầu ra của sản phẩm, một số công ty thu mua quốc tế chính bao gồm Cargill, Armajaro, và ED&F MAN đã có những hoạt động tại Việt Nam và thiết lập các trạm thu mua. Các công ty này quan tâm tới việc tìm ra một nhà cung cấp hạt ca cao ổn định và đóng góp một vai trò quan trọng trong sự phát triển của ngành sản xuất ca cao thông qua chính sách hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp thông tin và thúc đẩy sự phát triển của ngành. Hiện ở nhiều nơi đã có một mạng lưới tiếp thị bao gồm người thu mua, người kinh doanh buôn bán và những công ty thu mua quốc tế. Mạng lưới này thu mua cả ca cao quả và ca cao hạt từ nông dân và các cơ sở lên men. Riêng ở Đắk Lắk, hiện chỉ còn Cargill hoạt động, trình trạng độc quyền là khó tránh khỏi.

Tình trạng tương tự cũng xảy ra đối với thị trường đầu vào. Từ năm 2002, ngành ươm giống của tỉnh đã phát triển khá mạnh mẽ do có sự kết hợp giữa DANIDA với NLU. Sau này, nhờ có vai trò quan trọng của Dự án Success Alliance, 14 dòng vô tính thương mại (trong số đó có 8 dòng vô tính đã được Bộ NN&PTNT phê duyệt năm 2006) đã được đưa vào với mục tiêu mở rộng diện tích canh tác ca cao. Một số doanh nghiệp vườn ươm trong thời gian ngắn đã đạt được trình độ kỹ thuật nhất định và tham gia vào các sáng kiến bao gồm liên kết trong chuỗi giá trị và thiết lập quan hệ đối tác với các nhà cung cấp đầu vào (ví dụ như phân hoá học) và nông dân. Tuy nhiên, hiện tại cả tỉnh Đắk Lắk chỉ có 4 nguồn cung cấp cây giống (Công ty Giống cây trồng, Công ty Cao Nguyên Xanh, Viện Nông nghiệp-Lâm nghiệp Tây Nguyên và các hộ cá thể kinh doanh cây giống) với khả năng cung cấp 2,000,000 cây ghép/năm; trong đó, riêng công ty Cao Nguyên Xanh đã chiếm tới 70% thị phần. Tình trạng độc quyền khiến cho thị trường đầu vào của ca cao trở nên méo mó. (Trong thực tế, tại một số địa phương khác cũng xảy ra tình trạng độc quyền tương tự. Ví dụ như, ở Bình Phước, công ty Đức Minh gần như là đơn vị duy nhất cung cấp ca cao giống cho cả tỉnh.)

Theo ghi nhận của một nghiên cứu, hiện nay, các cơ sở ươm giống đang có 6 vấn đề cơ bản: i) Thiếu một hệ thống đảm bảo chất lượng; ii) Thiếu nguồn tài chính cho việc mở rộng thêm; iii) Khó tiếp cận vật tư/cây giống có chất lượng; iv) Thiếu sự hỗ trợ về chính sách; v) Hệ thống hợp đồng yếu; và vi) Khan hiếm công nhân lành nghề ở vườn ươm.³⁷ Khắc phục được 6 trở ngại trên đây, thị trường đầu vào sẽ ổn định.

Vấn đề cần đặt ra hiện nay đối với tỉnh Đắk Lắk là cần phải có các giải pháp chống độc quyền, đảm bảo có thị trường cạnh tranh lành mạnh, thông tin đầy đủ ...

3. Chiến lược của doanh nghiệp (nhà nước và tư nhân)

Thực hiện Quyết định 2678/2007/QĐ-BNN-KH ngày 14/9/2007 của Bộ NN&PTNT, Tổng Công ty cà phê Việt Nam đã giao kế hoạch cho các Công ty cà phê thành viên thực hiện trồng 2,500ha ca cao từ nay đến năm 2015; trong đó riêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là 2,150ha, chủ yếu là trồng trên các diện tích cà phê chuyên đổi. Trong khối doanh nghiệp nhà nước, đã có những mô hình thành công với cây ca cao tại Công ty cà phê Tháng Mười, Công ty cà phê Krông Ana và Công ty cà phê Buôn Hồ. Nhưng các doanh nghiệp nhà nước chỉ tham gia vào chuỗi ca cao với tư cách là người sản xuất Ca cao hạt, không có nhiều vai trò đối với việc phát triển ca cao ở khu vực hộ gia đình, nhất là các hộ gia đình tộc người thiểu số tại chỗ.

Để có thể thu hút sự tham gia của các hộ dân, cần có sự đổi mới trong chính sách và chiến lược của các tổ chức doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đầu vào và đầu ra của sản phẩm. Trước hết,

³⁷ Agrifood Consulting International (2008): Tài liệu đã dẫn.

nếu coi hệ thống các ngân hàng là nhà cung cấp vốn, việc cần làm ngay là phải có sự điều chỉnh trong chính sách cho vay đối với các hộ nông dân trồng ca cao. Thay vì chỉ cho vay trung hoặc ngắn hạn, thời gian cho vay nên kéo dài hơn để đảm bảo cây ca cao trải qua quá trình kiến thiết một cách ổn định (thời gian thường được tính là 5 năm, từ năm thứ 6 trở đi mới có lãi). Các doanh nghiệp cung cấp giống, phân bón và thuốc trừ sâu cũng cần có các chiến lược phù hợp với đặc điểm của nông thôn Đắk Lắk - một khu vực nhạy cảm với nhiều thành phần tộc người khác nhau, có sự khác biệt nhất định về văn hóa và học vấn. Nhưng muốn đạt được điều đó, nhà nước cần có các chính sách khuyến khích/hỗ trợ doanh nghiệp để đảm bảo các chiến lược mà họ đưa ra có thể mang lại lợi ích cho nhiều bên.

Như vậy, vấn đề đặt ra ở đây là: Các doanh nghiệp cần có chiến lược phù hợp với thực tiễn Đắk Lắk, quan tâm nhiều hơn đến thị trường có những nét đặc thù của tỉnh và để đạt được điều này, nhà nước phải có chính sách khuyến khích/hỗ trợ doanh nghiệp một cách hợp lý....

4. Tăng cường công tác nghiên cứu đa chiều

4.1. Canh tác ca cao và vấn đề tương thích với văn hóa tộc người

Huy động sự tham gia như thế nào và làm thế nào để người dân các tộc người thiểu số tại chỗ tự chủ được trong sản xuất ca cao là những câu hỏi luôn được các nhà lãnh đạo địa phương quan tâm tìm lời giải. Bài học của sự thất bại trong những năm trước đã được Sở NN&PTNT tổng kết và đưa ra những lý giải khá thuyết phục. Một trong những nguyên nhân được đề cập đến là không thu hút sự tham gia của người dân. Qua chuyên công tác thực địa, nhóm nghiên cứu nhận thấy một thực tế: Một trong những nguyên nhân (tầng dưới) khiến người dân các tộc người thiểu số không tham gia chuỗi giá trị ca cao chính là vì việc canh tác loại cây này có nhiều điểm không tương thích đối với nền văn hóa truyền thống của họ. Tuy nhiên, cho đến nay, ngoài những nghiên cứu về khả năng phát triển cây ca cao nói chung, chưa có bất cứ nghiên cứu nào chuyên sâu về tính tương thích của cây ca cao đối với văn hóa các tộc người thiểu số tại chỗ. Khiếm khuyết này cần được khắc phục trước khi triển khai thực hiện Đề án Phát triển 6,000ha ca cao đến năm 2015.

4.2. Cây ca cao và vấn đề nghèo đói

Theo đánh giá của nhiều cán bộ và người dân các dân tộc thiểu số tại huyện Lắk, ca cao không phải là loại cây dành cho các hộ nghèo. Việc phân tích mức đầu tư trong giai đoạn kiến thiết cũng chứng minh điều đó. Thực tế, người nghèo khó có thể tham gia sản xuất ca cao vì thiếu đất sản xuất, thiếu nhân lực, thiếu vốn. Các lao động thuộc nhóm hộ nghèo cũng khó có cơ hội tham gia vào quá trình sản xuất ca cao ở quy mô nông hộ, vì đa số các hộ dân tham gia trồng ca cao hiện nay cũng như trong tương lai đều chỉ có diện tích canh tác rất hạn hẹp, không đòi hỏi nhiều công lao động. Bản thân việc canh tác ca cao cũng không đòi hỏi nhiều công lao động như cà phê hoặc cao su. Hơn nữa, với các yêu cầu kỹ thuật trong quy trình canh tác ca cao, việc tập trung lao động trong một thời điểm là không cần thiết. Vì thế, nếu coi ca cao là cây xóa đói giảm nghèo, e là có phần duy ý chí.

4.3. Cây Ca cao và vấn đề bình đẳng giới

Có một khoảng cách nhất định giữa mong muốn bình đẳng giới của các cán bộ lãnh đạo Tỉnh và Huyện với thực tế ghi nhận tại các điểm nghiên cứu. Trong sản xuất ca cao, thời gian lao động của phụ nữ không ít hơn so với nam giới. Thậm chí, phụ nữ thường là những người phải thường xuyên theo dõi quá trình phát triển của ca cao. Một nữ nông dân đã nói nửa đùa nửa thật: “Trồng ca cao như nuôi con mọn, một ngày không thăm vườn không được”. Mặc dù vậy, tiếng nói của phụ nữ không hẳn đã được coi trọng đối với thu nhập từ ca cao. Trong hầu hết các cuộc phỏng vấn, mọi người được hỏi đều khẳng định, quyết định sử dụng vốn cho kinh

doanh ca cao chủ yếu thuộc về nam giới. Đối với vấn đề này, cũng cần có các nghiên cứu chuyên sâu để tìm kiếm các giải pháp khắc phục tình trạng bất bình đẳng giới.

4.4. Cây Ca cao và những vấn đề liên quan đến tính bền vững của phát triển

Chủ đề cây ca cao và những vấn đề liên quan đến tính bền vững của phát triển đã được Agrifood Consulting International đề cập đến khá sâu và toàn diện trong nghiên cứu (2008) *Về tính phù hợp, khả thi và lợi ích kinh tế xã hội trong việc sản xuất ca cao tại Việt Nam*. Nghiên cứu này khẳng định, ca cao là loại cây trồng có nguy cơ sâu hại/dịch bệnh cao và việc phải dùng thuốc bảo vệ thực vật là điều khó tránh khỏi. Nghiên cứu cũng cảnh báo về việc ở các địa phương xảy ra tình trạng nông dân trồng ca cao đã sử dụng một số loại thuốc bảo vệ thực vật đã bị cấm như Methyl, Motox, Monitor, và Vofatoc. Điều này có thể ảnh hưởng rất tiêu cực đến môi trường sống của người dân.

Cũng trong nghiên cứu trên đây, Agrifood Consulting International đưa ra những số liệu thuyết phục nhằm chứng minh rằng, những rủi ro về môi trường (tàn phá rừng, mất đa dạng sinh học, thay đổi khí hậu, sự màu mỡ của đất, khu vực đầu nguồn, và bệnh dịch) do ca cao mang lại là rất thấp. Thậm chí, đối với sự đa dạng sinh học ở các loài chim, thú, bò sát, lưỡng cư và côn trùng, cây ca cao còn có vai trò tích cực trong việc duy trì hệ sinh thái.

Bên cạnh những vấn đề về môi trường tự nhiên, nhiều câu hỏi xung quanh các vấn đề kinh tế xã hội cũng được đặt ra trong chuỗi giá trị ca cao cũng được nghiên cứu của Agrifood Consulting International đề cập đến: Ai sẽ là người hưởng lợi từ việc phát triển ngành sản xuất ca cao và những tác động mong muốn về mặt kinh tế xã hội tới các nhóm dân cư khác nhau là gì? Chiến lược quản lý nào sẽ phù hợp hơn nhằm giảm thiểu những rủi ro về môi trường, nông học, kinh tế và xã hội gắn liền với ngành sản xuất ca cao? Khả năng cho quan hệ đối tác giữa khu vực nhà nước và tư nhân nhằm hỗ trợ ngành phát triển bền vững và giảm thiểu rủi ro là gì?

Đáng tiếc, nghiên cứu của Agrifood Consulting International được thực hiện trên một địa bàn quá rộng và các mẫu được chọn để điều tra định lượng quá nhỏ. Tại mỗi tỉnh, nhóm nghiên cứu chỉ chọn không quá 20 mẫu để thực hiện điều tra phiếu hỏi. Trong một nghiên cứu xã hội học, cỡ mẫu nhỏ như vậy khó có thể cho ra kết quả tương đối chính xác và khách quan. Chính vì thế, việc nghiên cứu xem canh tác ca cao có ảnh hưởng thế nào đến phát triển bền vững (môi trường, kinh tế và xã hội) vẫn là một trong những câu hỏi cần được địa phương ưu tiên trả lời.

Danh mục tài liệu tham khảo chính

1. Agrifood Consulting International (2008) *Nghiên cứu tính phù hợp, khả thi và lợi ích kinh tế xã hội trong việc sản xuất cacao tại Việt Nam*. Báo cáo dự thảo cuối cùng. Xây dựng cho Cục trồng trọt, tháng 11/2008, Bethesda, Maryland, US
2. UBND xã Yang Tao (2010): *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh năm 2010 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011*
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2011): *Thống kê, kiểm kê diện tích đất đai xã Đắk Phơi, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk – Biểu số 08-TKĐĐ*.
4. Chi cục Thống kê huyện Lắk (2011): *Niên giám Thống kê huyện Lắk năm 2010*.
5. Helvetas (2008): *Nghiên cứu khả thi Cacao hữu cơ và Thương mại công bằng tại Việt Nam*.
6. Nguyễn Việt Khoa, Lê Quang Bình, Lê Bách, Nguyễn Quang Thương (2008): *Report Assessment of opportunity and challenge to join Vietnam Cacao Committee and Public Private Partnership for Oxfam Novib and iSEE*
7. Sở NN&PTNT tỉnh Đắk Lắk (2011): *“Báo cáo tình hình thực hiện dự án 6,000ha Cacao”*.
8. Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Đắk Lắk: *Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Đắk Lắk đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*.
9. Trung tâm Khuyến nông tỉnh Đắk Lắk - Dự án Phát triển sản xuất Cacao bền vững tại các nông hộ (2011): *Báo cáo Tổng kết thực hiện “Dự án Phát triển sản xuất Cacao bền vững tại các nông hộ giai đoạn 2010-2011”*.
10. UBND huyện Lắk (2010): *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh năm 2010 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011*.
11. UBND tỉnh Đắk Lắk - Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) 2011: *Nghiên cứu chiến lược phát triển tỉnh Đắk Lắk và thành phố Buôn Ma Thuột (DaBuDeSS)*.
12. UBND tỉnh Đắk Lắk - Sở NN&PTNT (2011), *Báo cáo tóm tắt Quy hoạch cây công nghiệp và cây ăn quả chủ yếu trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020*
13. UBND tỉnh Đắk Lắk: *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020*.
14. UBND xã Đắk Phơi (2010): *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội - an ninh quốc phòng năm 2010 và phương hướng năm 2011*
15. UBND xã Yang Tao (2011): *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2011*.
16. Rogers, Everett M. (1962). *Diffusion of Innovations*. Glencoe: Free Press